

**DANH SÁCH PHÂN PHÒNG KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN QUỐC GIA  
CAO HỌC KHÓA 1902**

Ngày, giờ kiểm tra: 13g00 ngày 25/3/2018

Phòng kiểm tra "D" tiếng Quốc ngữ 9, phòng kiểm tra "C" tiếng 81 Trường Bình Trưng.

Lưu ý: - Khi đi kiểm tra mang theo thẻ sinh viên học chính quy mình nhân dân.

- Sinh viên có mặt trước 15 phút.

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KIỂM TRA
1	1510050195	Lê Th Nhân	Ái	04/10/1997	CDKS19A	C.302 (1)
2	1510010959	Nguyễn Th Thúy	Ái	03/03/1997	CDXN19C	C.302 (1)
3	1510010290	Nguyễn Th Xuân	Ái	28/08/1997	CDXN19F	C.302 (1)
4	1510070010	Nguyễn Thuý	Ái	10/08/1997	CDTH19	C.302 (1)
5	1510010399	Trần Th Diễm	Ái	02/03/1997	CDXN19T	C.302 (1)
6	1410011101	Trần Th Nhân	ái	19/07/1995	CDXN18E	C.302 (1)
7	1510010701	Đặng Th Hằng	An	05/10/1997	CDXN19G	C.302 (1)
8	1510010274	Lê Th Vinh	An	13/04/1997	CDXN19E	C.302 (1)
9	1510011104	Luân Long	An	01/10/1996	CDXN19R	C.302 (1)
10	1510020300	Ngô Khánh	An	18/02/1997	CDTA19F	C.302 (1)
11	1510010148	Nguyễn Kiều Thúy	An	18/08/1997	CKDXK19V	C.302 (1)
12	1510010919	Phạm Th Trang	An	23/05/1997	CDXN19N	C.302 (1)
13	1510010877	Phạm Th Hoài	Ân	10/10/1996	CDXN19E	C.302 (1)
14	1510030162	Phạm Th Thiên	Ân	19/11/1997	CDQT19E	C.302 (1)
15	1510010548	Minh Th Vân	Anh	03/09/1997	CDXN19Q	C.302 (1)
16	1510010813	Minh Thùy Kim	Anh	28/08/1997	CDXN19U	C.302 (1)
17	1410070024	Duy	Anh	12/12/1996	CDTH18	C.302 (1)
18	1510080398	Th	Anh	19/10/1997	CDKT19D	C.302 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
19	1510030074	Hoàng Lê Ng c	Anh	05/04/1997	CDQT19C	C.302 (1)
20	1510020464	Hu nh Nguy n Trâm	Anh	24/05/1997	CDTA19F	C.302 (1)
21	1510090074	Lê àm Ngân	Anh	11/11/1997	CDTC19B	C.302 (1)
22	1510080075	Lê Th Lan	Anh	03/01/1997	CDKT19C	C.302 (1)
23	1410060007	L ng H ng Trâm	Anh	11/11/1996	CDMA18A	C.302 (1)
24	1510020469	Mai Nguy t	Anh	12/04/1997	CDTA19F	C.302 (1)
25	1510020535	Nguy n ào Th o	Anh	15/05/1997	CDTA19E	C.302 (1)
26	1510010774	Nguy n Hoàng Tu n	Anh	28/01/1995	CDXN19N	C.302 (1)
27	1510030031	Nguy n Lê Hoàng	Anh	14/07/1997	CDQT19D	C.302 (1)
28	1510030176	Nguy n Th	Anh	25/04/1997	CDQT19D	C.302 (1)
29	1510010460	Nguy n Th Ki u	Anh	04/01/1996	CDXN19I	C.302 (1)
30	1510020497	Nguy n Th Qu nh	Anh	14/10/1997	CDTA19L	C.302 (1)
31	1510010131	Nguy n Th Xuân	Anh	07/01/1997	CDXN19S	C.302 (1)
32	1510010624	Ninh Ng c	Anh	07/09/1997	CDXN19Q	C.302 (1)
33	1510030030	Ph m Th Kim	Anh	11/04/1997	CDQT19B	C.302 (1)
34	1510010883	Ph m Trâm	Anh	08/03/1997	CDXN19E	C.302 (1)
35	1510080414	Phan Th Lan	Anh	22/11/1997	CDKT19A	C.302 (1)
36	1510050229	Qu ng Tr n Qu nh	Anh	13/03/1997	CDKS19D	C.302 (1)
37	1510020494	T Tu n	Anh	06/09/1996	CDTA19F	C.302 (1)
38	1510050010	Tr n Nam	Anh	24/06/1997	CDKS19C	C.302 (1)
39	1510030032	Hoàng Th Ng c	Ánh	24/07/1997	CDQT19C	C.302 (1)
40	1510030274	Lê Ng c H ng	Ánh	01/05/1997	CDQT19E	C.302 (1)
41	1510010511	Lê Th H ng	Ánh	15/02/1997	CDXN19K	C.302 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
42	1510010631	Nguy n Th H ng	Ánh	05/04/1997	CDXN19H	C.302 (1)
43	1510020380	Nguy n Th Ng c	Ánh	16/01/1997	CDTA19I	C.302 (1)
44	1510020233	Tr n ào Ng c	Ánh	31/01/1997	CDTA19E	C.302 (1)
45	1510020021	Tr n Th Ng c	Ánh	01/01/1997	CDTA19A	C.302 (1)
46	1510020338	Tr n Th Ng c	Ánh	23/12/1996	CDTA19G	C.302 (2)
47	1510080047	Hu nh Th M ng	nh	16/10/1997	CDKT19C	C.302 (2)
48	1510011009	Tr ng Huy n i n	nh	20/08/1997	CDXN19B	C.302 (2)
49	1510011122	Duy	B o	26/10/1995	CDXN19R	C.302 (2)
50	1510070041	Trình Gia	B o	02/11/1996	CDTH19	C.302 (2)
51	1510010474	Lê Th	Bé	09/09/1996	CDXN19P	C.302 (2)
52	1510080393	Nguy n Th	Bé	29/03/1997	CDKT19G	C.302 (2)
53	1510030196	Lê Th Ng c	Bích	20/10/1997	CDQT19C	C.302 (2)
54	1510080387	Nguy n Th Ng c	Bích	09/03/1997	CDKT19A	C.302 (2)
55	1510020150	Nguy n Th Ng c	Bích	04/02/1997	CDTA19C	C.302 (2)
56	1510010932	Ph m Th C m	Bích	10/03/1997	CDXN19D	C.302 (2)
57	1510010698	Ph m Võ Ng c	Bích	17/09/1996	C KDXK19V	C.302 (2)
58	1510080415	ng Th	Bình	12/12/1997	CDKT19D	C.302 (2)
59	1510020431	inh Th M ng	Bình	22/02/1997	CDTA19G	C.302 (2)
60	1510050138	D ng V n	Bình	22/01/1997	CDKS19C	C.302 (2)
61	1510060109	Lâm Kim	Bình	11/03/1997	CDMA19B	C.302 (2)
62	1510010955	Lê Nh	Bình	02/09/1997	CDXN19C	C.302 (2)
63	1510080287	Nguy n Th Kim	Bình	03/12/1997	CDKT19D	C.302 (2)
64	1510010121	Ph m Th Nh	Bình	07/01/1997	CDXN19C	C.302 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
65	1510080067	Tr n Th Thanh	Bình	15/06/1997	CDKT19F	C.302 (2)
66	1510080434	Nguy n Th	Bông	08/08/1996	CDKT19E	C.302 (2)
67	1510010283	Hu nh Th Thu	C m	10/04/1997	CDXN19F	C.302 (2)
68	1510030100	Nguy n Th M ng	C m	04/06/1997	CDQT19B	C.302 (2)
69	1510020253	Tr n Nguy n Bích	C m	28/12/1997	CDTA19I	C.302 (2)
70	1510080035	Nguy n Th Ng c	C m	18/10/1996	CDKT19C	C.302 (2)
71	1510060031	Nguy n Th Thành	C m	10/05/1997	CDMA19B	C.302 (2)
72	1510080105	ng Chí	C n	06/08/1997	CDKT19F	C.302 (2)
73	1510080409	Tr n Th	Caril	29/03/1996	CDKT19D	C.302 (2)
74	1510010740	oàn Ng c B o	Châu	16/06/1996	CDXN19F	C.302 (2)
75	1510010078	Hoàng Th Bích	Châu	16/11/1997	CDXN19O	C.302 (2)
76	1510090073	Lê Hu nh M	Châu	01/09/1997	CDTC19A	C.302 (2)
77	1510090099	Lê Th Minh	Châu	30/12/1996	CDTC19A	C.302 (2)
78	1510080213	L ng Th B ng	Châu	20/12/1997	CDKT19D	C.302 (2)
79	1410020675	Nguy n Minh	Châu	06/07/1996	CDTA18G	C.302 (2)
80	1510090018	Nguy n Ng c Minh	Châu	07/03/1997	CDTC19B	C.302 (2)
81	1510010380	Nguy n Th Di m	Châu	25/01/1996	C KDXK19W	C.302 (2)
82	1510010242	Nguy n Th Tô	Châu	27/05/1994	CDXN19E	C.302 (2)
83	1510080106	Nguy n Tr n Qu nh	Châu	12/02/1997	CDKT19F	C.302 (2)
84	1510010052	Ph m Nh Huy n	Châu	09/12/1997	CDXN19K	C.302 (2)
85	1510010920	Ph m Th Ng c	Châu	18/08/1997	CDXN19R	C.302 (2)
86	1510080364	Ts n Th Ng c	Châu	18/06/1997	CDKT19G	C.302 (2)
87	1510060025	Hoàng Th	Chi	07/02/1997	CDMA19C	C.302 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
88	1510010307	Lê Ph ng	Chi	05/10/1996	CDXN19F	C.302 (2)
89	1510080168	Lê Th M	Chi	19/09/1997	CDKT19E	C.302 (2)
90	1510030234	Nguy n Th	Chi	10/09/1997	CDQT19E	C.302 (2)
91	1510010191	Nguy n Th Kim	Chi	16/11/1997	CDXN19O	C.303
92	1510080066	Nguy n Th Minh	Chi	02/04/1997	CDKT19B	C.303
93	1510080410	Nguy n Th Qu nh	Chi	14/08/1997	CDKT19H	C.303
94	1510030283	Ph m Th Mai	Chi	17/08/1997	CDQT19C	C.303
95	1510050046	Tr n Lê Anh	Chi	02/09/1997	CDKS19A	C.303
96	1510080098	Tr n Ng c Qu nh	Chi	29/06/1997	CDKT19E	C.303
97	1510060147	Tr n Th	Chiêu	18/08/1997	CDMA19D	C.303
98	1510011126	oàn Công	Chính	12/11/1997	CDXN19R	C.303
99	1510020709	Lê H ng	Chung	08/03/1997	CDTA19N	C.303
100	1510010766	Tr n L	Cú	07/08/1997	CDXN19N	C.303
101	1510010918	ng Th Kim	Cúc	02/04/1997	CDXN19R	C.303
102	1510010257	Linh Th M	Cúc	15/04/1997	CDXN19P	C.303
103	1510010727	Nguy n Th	Cúc	26/05/1997	CDXN19F	C.303
104	1410060111	Tr n Th Kim	Cúc	01/03/1996	CDMA18B	C.303
105	1510011082	Nguy n ình	C ng	11/04/1997	CDXN19U	C.303
106	1510010220	Nguy n Th Kim	C ng	04/09/1997	CDXN19S	C.303
107	1510020730	Nguy n Qu c	C ng	01/06/1997	CDTA19N	C.303
108	1510010394	Hu nh Anh	ài	24/12/1997	CDXN19T	C.303
109	1510030208	Võ Th Trang	ài	20/12/1997	CDQT19D	C.303
110	1510010970	Tr n Hoàng	i	24/06/1996	CDXN19C	C.303

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
111	1510010178	Quý	ang	26/01/1997	CDXN19O	C.303
112	1510030009	H Công	ng	08/07/1997	CDQT19A	C.303
113	1510010034	Nguyễn Thị Khuê	ng	24/11/1996	CDXN19A	C.303
114	1510080365	Trần Nguyễn Ánh	ng	06/12/1997	CDKT19G	C.303
115	1510020106	H Xuân	Danh	26/09/1997	CDTA19H	C.303
116	1510010692	Trần Thị M	Danh	01/01/1997	CDXN19N	C.303
117	1510020714	Lê Thị	ào	26/04/1997	CDTA19K	C.303
118	1510080015	Lê Thị Mai	ào	08/11/1997	CDKT19F	C.303
119	1510050100	Nguyễn Hoàng	ào	24/01/1997	CDKS19B	C.303
120	1410020355	Nguyễn Thị	ào	17/02/1995	CDTA18M	C.303
121	1510010336	Trần Thị Thu	ào	09/03/1997	CDXN19G	C.303
122	1510010188	Nguyễn Hữu	t	12/08/1993	CDXN19O	C.303
123	1510050143	Phạm Anh	t	06/01/1997	CDKS19A	C.303
124	1510010335	Nguyễn Thị	u	15/10/1997	CDXN19G	C.303
125	1510080259	Nguyễn Thị Minh		17/06/1997	CDKT19H	C.303
126	1510020407	ào Thuý	Di m	24/04/1997	CDTA19N	C.303
127	1510030036	Đặng Thị Kiều	Di m	11/03/1997	CDQT19C	C.303
128	1510050223	Kiên Thị	Di m	19/08/1996	CDKS19D	C.303
129	1510010419	Lê Mai Kiều	Di m	01/10/1997	CDXN19H	C.303
130	1510020366	Lê Thị	Di m	06/12/1997	CDTA19G	C.303
131	1510010094	Lê Thị Kiều	Di m	04/03/1996	CDXN19K	C.304 (1)
132	1510011070	Lê Thị Ngọc	Di m	16/11/1997	CDXN19U	C.304 (1)
133	1410020638	Lý Thị Hoàng	Di m	12/02/1996	CDTA18M	C.304 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
134	1510020544	Ngô Th Ki u	Di m	23/12/1997	CDTA19N	C.304 (1)
135	1510060189	Nguy n Th H ng	Di m	01/07/1997	CDMA19A	C.304 (1)
136	1510010711	Nguy n Th Ng c	Di m	01/07/1997	CDXN19G	C.304 (1)
137	1510060151	Nguy n Th Ng c	Di m	01/05/1997	CDMA19D	C.304 (1)
138	1410020444	Ph m Th	Di m	02/04/1996	CDTA18F	C.304 (1)
139	1510080356	Tr ng Thúy	Di m	11/08/1996	CDKT19D	C.304 (1)
140	1510030284	Nguy n V n	Di n	10/02/1995	CDQT19E	C.304 (1)
141	1510050066	Lê Ng c	Di p	07/09/1997	CDKS19B	C.304 (1)
142	1510010006	Nguy n Tr n Ng c	Di p	12/10/1997	CDXN19A	C.304 (1)
143	1510030029	Ph m Ng c	Di p	10/10/1997	CDQT19D	C.304 (1)
144	1510010946	Th	i p	14/09/1997	CDXN19R	C.304 (1)
145	1510010611	Võ Ng c	i p	01/06/1997	CDXN19I	C.304 (1)
146	1510030167	V Ng c	i p	27/12/1997	CDQT19C	C.304 (1)
147	1510010547	Nguy n Ng c Thùy	Di u	06/11/1997	CDXN19Q	C.304 (1)
148	1510010225	Nguy n Th H ng	Di u	05/10/1997	CDXN19E	C.304 (1)
149	1510020115	Quách B u	Dinh	15/08/1997	CDTA19C	C.304 (1)
150	1510010652	D ng Thiên	nh	13/05/1997	CDXN19H	C.304 (1)
151	1510020591	Nguy n Th	D u	20/05/1997	CDTA19N	C.304 (1)
152	1510010300	V y Ng c	Doanh	27/12/1997	CDXN19T	C.304 (1)
153	1510080243	Lê Th Kim	ông	12/11/1995	CDKT19H	C.304 (1)
154	1510010992	Lê Vi n	ông	06/11/1997	CDXN19N	C.304 (1)
155	1410010836	Nguy n Thanh	c	21/06/1996	CDXN18D	C.304 (1)
156	1510080394	Bùi Ng c	Dung	01/08/1997	CDKT19D	C.304 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
157	1510010401	Bùi Th M	Dung	13/04/1997	CDXN19H	C.304 (1)
158	1510080300	Cao Th M	Dung	18/01/1997	CDKT19D	C.304 (1)
159	1510080257	Hu nh Th Thùy	Dung	27/11/1997	CDKT19D	C.304 (1)
160	1510020118	Mai Th M	Dung	18/06/1997	CDTA19H	C.304 (1)
161	1510080137	Nguy n Th Kim	Dung	06/03/1997	CDKT19C	C.304 (1)
162	1510010260	Nguy n Th Ng c	Dung	22/01/1996	CDXN19S	C.304 (1)
163	1510060288	Nguy n Th Ph ng	Dung	29/10/1997	CDMA19A	C.304 (1)
164	1510010133	Nguy n Th Thanh	Dung	02/06/1996	CDXN19C	C.304 (1)
165	1510010223	Nguy n Th Thùy	Dung	09/04/1997	CDXN19S	C.304 (1)
166	1510020157	Ph m Ph ng	Dung	01/09/1997	CDTA19C	C.304 (1)
167	1510010250	Ph m Th	Dung	20/11/1997	CDXN19P	C.304 (1)
168	1510020139	Tr nh Th M	Dung	20/05/1997	CDTA19C	C.304 (1)
169	1510010130	Võ Th M	Dung	05/10/1997	CDXN19C	C.304 (1)
170	1510011035	Võ Th Thùy	Dung	09/09/1997	CDXN19N	C.304 (1)
171	1510080049	V Tr n Ng c	Dung	10/06/1997	CDKT19C	C.304 (2)
172	1510060062	Nguy n Th	D ng	08/10/1996	CDMA19B	C.304 (2)
173	1510010715	ào Th Thu	D ng	04/05/1997	CDXN19N	C.304 (2)
174	1510010837	Lê Ánh	D ng	12/09/1997	CDXN19P	C.304 (2)
175	1510030255	Lê Nguy n Trùng	D ng	02/08/1997	CDQT19E	C.304 (2)
176	1510020151	Nguy n Thái	D ng	26/10/1997	CDTA19C	C.304 (2)
177	1510010192	Nguy n Th Thu	D ng	02/05/1997	CDXN19D	C.304 (2)
178	1510010627	Nguy n Th Thùy	D ng	13/04/1997	CDXN19Q	C.304 (2)
179	1510010613	Tr n Th Thùy	D ng	15/08/1997	CDXN19Q	C.304 (2)



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
180	1510070020	V V n	D ng	11/10/1997	CDTH19	C.304 (2)
181	1510080419	Phan Th Thu	D ng	01/01/1997	CDKT19C	C.304 (2)
182	1510010217	Nguy n c	Duy	12/05/1997	CDXN19K	C.304 (2)
183	1510080328	Tr ng Thúy	Duy	25/12/1997	CDKT19F	C.304 (2)
184	1510010382	Tr ng V n	Duy	19/02/1997	CDXN19P	C.304 (2)
185	1510020099	Võ Hoàng	Duy	18/04/1997	CDTA19B	C.304 (2)
186	1510060139	Cao Th Thùy	Duyên	24/10/1996	CDMA19D	C.304 (2)
187	1510010519	ào Ng c M	Duyên	20/03/1997	CDXN19A	C.304 (2)
188	1510080254	ào Ph ng	Duyên	06/12/1997	CDKT19H	C.304 (2)
189	1410060122	inh Th út	Duyên	07/01/1996	CDMA18C	C.304 (2)
190	1510020262	Th H ng	Duyên	17/02/1997	CDTA19E	C.304 (2)
191	1410011057	oàn M K	Duyên	29/05/1996	CDXN18T	C.304 (2)
192	1510020651	oàn Th Thùy	Duyên	27/10/1997	CDTA19B	C.304 (2)
193	1510010396	Lê M	Duyên	24/11/1997	CDXN19H	C.304 (2)
194	1510020587	Lê Th	Duyên	02/09/1997	CDTA19L	C.304 (2)
195	1510030153	Lê Th M	Duyên	28/12/1997	CDQT19E	C.304 (2)
196	1510060218	Lê Võ K	Duyên	12/02/1997	CDMA19D	C.304 (2)
197	1510010786	Nguy n Th	Duyên	04/02/1997	CDXN19U	C.304 (2)
198	1510090088	Nguy n Th H nh	Duyên	19/03/1997	CDTC19B	C.304 (2)
199	1510010930	Nguy n Th M	Duyên	28/08/1997	CDXN19R	C.304 (2)
200	1510090062	Nguy n Th M	Duyên	14/03/1997	CDTC19B	C.304 (2)
201	1510080083	Nguy n Th M	Duyên	04/06/1997	CDKT19F	C.304 (2)
202	1510010104	Nguy n Th Ng c	Duyên	12/10/1997	CDXN19B	C.304 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
203	1510010933	Nguy n Th Th o	Duyên	15/11/1997	CDXN19R	C.304 (2)
204	1510010567	Nguy n Th y K	Duyên	25/01/1997	CDXN19T	C.304 (2)
205	1510090100	Nguy n Võ K	Duyên	04/05/1997	CDTC19A	C.304 (2)
206	1510010061	Ph m Th M	Duyên	17/06/1997	CDXN19S	C.304 (2)
207	1510080154	Th ch Ng c	Duyên	14/04/1997	CDKT19C	C.304 (2)
208	1510090115	Tr n M	Duyên	06/04/1997	CDTC19B	C.304 (2)
209	1410020118	Tr n Th	Duyên	02/03/1996	CDTA19C	C.304 (2)
210	1510010357	Tr n Th Thùy	Duyên	01/02/1997	C KDXK19W	C.304 (2)
211	1510020597	Tr n Th Tuy t	Duyên	20/05/1997	CDTA19C	C.402 (1)
212	1510010668	Tr nh Th M	Duyên	19/06/1997	CDXN19H	C.402 (1)
213	1510020422	Võ Th	Duyên	24/09/1997	CDTA19G	C.402 (1)
214	1510020117	Võ Th M	Duyên	20/11/1997	CDTA19C	C.402 (1)
215	1510020616	Võ Th M	Duyên	28/02/1997	CDTA19K	C.402 (1)
216	1510020540	Lê Th	G m	35172	CDTA19E	C.402 (1)
217	1510010801	Bùi Ng c Thùy	Giang	09/03/1997	CDXN19E	C.402 (1)
218	1510010515	ng Di m H ng	Giang	26/05/1997	CDXN19K	C.402 (1)
219	1510010826	Hoàng Nguy n Trúc	Giang	03/03/1997	CDXN19U	C.402 (1)
220	1510060118	Lâm Th Thu	Giang	02/05/1997	CDMA19E	C.402 (1)
221	1510060153	Lê Thanh	Giang	05/06/1997	CDMA19C	C.402 (1)
222	1510010951	L u Th	Giang	24/01/1997	CDXN19N	C.402 (1)
223	1510010936	Nguy n Châu	Giang	19/03/1997	C KDXK19W	C.402 (1)
224	1510020119	Nguy n H ng	Giang	06/07/1997	CDTA19C	C.402 (1)
225	1510020420	Nguy n Th C m	Giang	22/01/1997	CDTA19H	C.402 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
226	1510010513	Nguy n Th Th o	Giang	15/07/1997	CDXN19K	C.402 (1)
227	1510010552	Nguy n Thùy Tú	Giang	17/06/1997	CDXN19K	C.402 (1)
228	1510010857	Nguy n Tr ng	Giang	06/02/1997	CDXN19E	C.402 (1)
229	1510080188	T ng Ng c	Giang	03/06/1997	CDKT19B	C.402 (1)
230	1510010523	H Th M	Giàu	21/03/1997	CDXN19Q	C.402 (1)
231	1510080247	Nguy n Th Ng c	Giàu	04/05/1997	CDKT19D	C.402 (1)
232	1510020238	Chu Thanh	Hà	22/08/1997	CDTA19E	C.402 (1)
233	1510011050	Hoàng Th Thu	Hà	03/06/1997	CDXN19B	C.402 (1)
234	1510070051	Lê Th Thu	Hà	17/05/1997	CDTH19	C.402 (1)
235	1510020113	Ngô Th Thu	Hà	16/04/1997	CDTA19C	C.402 (1)
236	1510080379	Nguy n H B o	Hà	26/02/1997	CDKT19A	C.402 (1)
237	1510020259	Nguy n Th	Hà	03/05/1997	CDTA19E	C.402 (1)
238	1510030028	Nguy n Th Ngân	Hà	05/09/1997	CDQT19A	C.402 (1)
239	1510020008	Nguy n Th Thu	Hà	21/11/1997	CDTA19H	C.402 (1)
240	1510010869	Nguy n Th Thu	Hà	02/03/1996	CDXN19E	C.402 (1)
241	1510010734	Nguy n Th Thu	Hà	14/02/1997	CDXN19F	C.402 (1)
242	1510020048	Nguy n Th Xuân	Hà	29/03/1997	CDTA19H	C.402 (1)
243	1510010642	Nguy n Tr n Ng c	Hà	18/09/1997	CDXN19H	C.402 (1)
244	1510010793	Nguy n V Ng c	Hà	18/01/1997	CDXN19P	C.402 (1)
245	1510030181	Ph m Lê Thanh	Hà	24/10/1997	CDQT19A	C.402 (1)
246	1510080290	Tr n Nguy n Hoàng	Hà	21/09/1997	CDKT19F	C.402 (2)
247	1510011102	Tr n Th	Hà	20/08/1997	CDXN19A	C.402 (2)
248	1510010620	Tr n Th	Hà	05/10/1997	CDXN19H	C.402 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA	
249	1510011139	Tr	ng Th	Hà	17/01/1997	CDXN19M	C.402 (2)
250	1510030154	Tr	ng Th Bích	Hà	29/09/1997	CDQT19E	C.402 (2)
251	1510010294	Tr	ng Th Thanh	Hà	08/03/1996	CDXN19P	C.402 (2)
252	1410050171	Tr	n Th	Hai	13/05/1995	CDKS18C	C.402 (2)
253	1510030017	Võ	Th Bé	Hai	01/02/1997	CDQT19D	C.402 (2)
254	1510020368	Hu	nh Th M	H i	03/08/1997	CDTA19L	C.402 (2)
255	1510010072	Lê	Th V	H i	28/05/1995	CDXN19O	C.402 (2)
256	1510010526	inh	Lê Gia	Hân	15/02/1997	CDXN19K	C.402 (2)
257	1510080234	Nguy	n Ng c Ph ng	Hân	27/07/1997	CDKT19D	C.402 (2)
258	1510080194	Nguy	n Th Ng c	Hân	14/06/1997	CDKT19B	C.402 (2)
259	1510060227	Tr	n Th Ng c	Hân	22/06/1997	CDMA19E	C.402 (2)
260	1510010389	Võ	Th B o	Hân	17/11/1997	CDXN19G	C.402 (2)
261	1510050062	Võ	Th Ng c	Hân	02/01/1997	CDKS19B	C.402 (2)
262	1510080253	H	Th Thu	H ng	27/09/1997	CDKT19H	C.402 (2)
263	1510080357	Lâm	Thu Linh	H ng	15/04/1997	CDKT19D	C.402 (2)
264	1510010325	Lê	Th M	H ng	02/06/1997	CDXN19L	C.402 (2)
265	1510010962	Lê	Th Thanh	H ng	02/10/1997	CDXN19S	C.402 (2)
266	1510010064	Lê	Th Thanh	H ng	01/01/1997	CDXN19S	C.402 (2)
267	1510080327	Mai	Th Thúy	H ng	09/11/1997	CDKT19D	C.402 (2)
268	1510050073	Nguy	n M	H ng	03/02/1997	CDKS19B	C.402 (2)
269	1510020524	Nguy	n Th	H ng	03/01/1997	CDTA19E	C.402 (2)
270	1510010600	Nguy	n Th	H ng	27/06/1996	C KDXK19V	C.402 (2)
271	1510080421	Nguy	n Th	H ng	17/05/1997	CDKT19E	C.402 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
272	1510090091	Nguy n Th Kim	H ng	12/04/1997	CDTC19A	C.402 (2)
273	1510090047	Nguy n Th Lan	H ng	06/06/1997	CDTC19B	C.402 (2)
274	1510011062	Nguy n Th Minh	H ng	25/02/1996	CDXN19T	C.402 (2)
275	1510020602	Nguy n Th M	H ng	14/09/1997	CDTA19N	C.402 (2)
276	1510080292	Nguy n Th Ng c	H ng	12/12/1997	CDKT19F	C.402 (2)
277	1510010621	Nguy n Th Thuý	H ng	04/12/1997	CDXN19H	C.402 (2)
278	1510010405	Nguy n Th Thúy	H ng	10/02/1997	CDXN19H	C.402 (2)
279	1510010146	Nguy n Thúy	H ng	26/11/1997	CDXN19L	C.402 (2)
280	1510030044	Nguy n Vy	H ng	26/02/1997	CDQT19A	C.402 (2)
281	1510060168	Phan Kim	H ng	11/12/1997	CDMA19A	C.403 (1)
282	1510030235	Tr n Nguy n Ph ng	H ng	30/05/1991	CDQT19A	C.403 (1)
283	1510030002	Tr n Th Thanh	H ng	21/01/1997	CDQT19A	C.403 (1)
284	1510030263	Tr n Th Thu	H ng	17/03/1997	CDQT19A	C.403 (1)
285	1510080370	V Th Thanh	H ng	28/09/1997	CDKT19G	C.403 (1)
286	1510010817	Bùi Hoài	H nh	24/11/1997	CDXN19P	C.403 (1)
287	1510010112	Bùi Th	H nh	08/11/1997	CDXN19S	C.403 (1)
288	1510030149	Lê Th Ki u	H nh	01/09/1997	CDQT19E	C.403 (1)
289	1510030281	Lê Th M	H nh	24/01/1997	CDQT19C	C.403 (1)
290	1510010233	Ngô Th Ki u	H nh	11/07/1997	CDXN19L	C.403 (1)
291	1510010996	Nguy n H ng	H nh	29/10/1997	CDXN19C	C.403 (1)
292	1510010439	Nguy n Th H ng	H nh	08/10/1997	CDXN19M	C.403 (1)
293	1510080433	Nguy n Th H ng	H nh	09/08/1996	CDKT19H	C.403 (1)
294	1510080198	Nguy n Th Huy n	H nh	01/10/1997	CDKT19B	C.403 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
295	1510020228	Nguy n Th M	H nh	11/06/1996	CDTA19E	C.403 (1)
296	1510011079	Nguy n Th M	H nh	12/03/1997	CDXN19M	C.403 (1)
297	1510080256	Nguy n Th M	H nh	10/02/1997	CDKT19D	C.403 (1)
298	1510010830	Tr n Th Hi u	H nh	15/08/1997	CDXN19E	C.403 (1)
299	1510080044	Tr n Th Kim	H nh	07/10/1997	CDKT19E	C.403 (1)
300	1510020539	Hà Th	H o	10/01/1997	CDTA19K	C.403 (1)
301	1510010327	H Th	H o	30/12/1997	CDXN19F	C.403 (1)
302	1510010273	Lê Hoàng	H o	17/05/1997	CDXN19E	C.403 (1)
303	1510010743	Nguy n Th Bé	H o	13/10/1997	CDXN19U	C.403 (1)
304	1510030106	Nguy n Th M	H o	20/11/1997	CDQT19C	C.403 (1)
305	1510020632	Nguy n Th Nh	H o	28/08/1997	CDTA19K	C.403 (1)
306	1510020309	Phan c	H o	09/10/1997	CDTA19F	C.403 (1)
307	1510020738	Phan Th M	H o	25/12/1997	CDTA19K	C.403 (1)
308	1510060260	Tr n Kim	H o	11/04/1997	CDMA19A	C.403 (1)
309	1510020517	Tr n Th Xuân	H o	16/02/1996	CDTA19D	C.403 (1)
310	1510030155	Nguy n Ái	H u	06/09/1997	CDQT19C	C.403 (1)
311	1510080301	Nguy n Th Lan	H u	10/12/1997	CDKT19A	C.403 (1)
312	1510010580	Nguy n Trung	H u	14/09/1996	CDXN19T	C.403 (1)
313	1510020675	Võ Th Thu	H u	05/09/1997	CDTA19A	C.403 (1)
314	1510011018	Bùi Th Thu	Hi n	15/05/1997	CDXN19B	C.403 (1)
315	1510080413	ng Thanh	Hi n	18/06/1997	CDKT19E	C.403 (1)
316	1510010544	inh Th Nh	Hi n	13/04/1997	CDXN19K	C.403 (2)
317	1510050233	Hà Th	Hi n	21/10/1997	CDKS19D	C.403 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
318	1510010659	Hu nh Th Di u	Hi n	12/09/1997	CDXN19H	C.403 (2)
319	1510011137	Lê Th Di u	Hi n	25/10/1997	CDXN19U	C.403 (2)
320	1510050098	L Ân	Hi n	05/04/1997	CDKS19B	C.403 (2)
321	1510080245	Mai Th	Hi n	27/02/1996	CDKT19H	C.403 (2)
322	1510010605	Nguy n Di p Thúy	Hi n	11/10/1997	CDXN19I	C.403 (2)
323	1510020046	Nguy n Th	Hi n	28/08/1997	CDTA19H	C.403 (2)
324	1510020723	Nguy n Th Kim	Hi n	08/04/1997	CDTA19A	C.403 (2)
325	1510010865	Nguy n Th Ng c	Hi n	08/08/1997	CDXN19U	C.403 (2)
326	1510010911	Nguy n Th Thu	Hi n	14/08/1997	CDXN19D	C.403 (2)
327	1510030095	Nguy n Th Thu	Hi n	01/02/1996	CDQT19D	C.403 (2)
328	1510060154	Tr n Ng c	Hi n	15/04/1997	CDMA19E	C.403 (2)
329	1510010038	Tr n Th	Hi n	06/12/1997	CDXN19S	C.403 (2)
330	1510080214	Tr n Th Thu	Hi n	06/08/1997	CDKT19H	C.403 (2)
331	1510011015	Võ Th Minh	Hi n	28/08/1997	CDXN19M	C.403 (2)
332	1510010315	Võ Th Út	Hi n	25/04/1997	CDXN19L	C.403 (2)
333	1510010684	V Thu	Hi n	19/09/1997	CDXN19N	C.403 (2)
334	1510020311	L i Xuân	Hi n	13/01/1997	CDTA19F	C.403 (2)
335	1510020537	Ph m Thanh	Hi n	22/07/1996	CDTA19D	C.403 (2)
336	1510010851	Tr n Th ng	Hi p	17/11/1997	CDXN19E	C.403 (2)
337	1510060262	ng Minh	Hi u	12/10/1997	CDMA19E	C.403 (2)
338	1510050077	Hoàng Trung	Hi u	15/06/1997	CDKS19B	C.403 (2)
339	1510010338	Lê Th Tín	Hi u	04/07/1996	CDXN19G	C.403 (2)
340	1510080182	Nguy n M nh	Hi u	08/08/1993	CDKT19H	C.403 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
341	1510080081	Nguy n Th	Hi u	27/02/1997	CDKT19F	C.403 (2)
342	1510090032	Nguy n Trung	Hi u	07/06/1997	CDTC19A	C.403 (2)
343	1510070015	Nguy n Trung	Hi u	26/03/1997	CDTH19	C.403 (2)
344	1510010324	Nguy n V n	Hi u	07/10/1997	C KDXK19V	C.403 (2)
345	1510011141	Nguy n V n	Hi u	07/12/1997	CDXN19U	C.403 (2)
346	1510020707	Phan H u	Hi u	11/10/1997	CDTA19N	C.403 (2)
347	1510010230	Tr n Chí	Hi u	29/12/1997	CDXN19L	C.403 (2)
348	1510010787	Tr n Th Kim	Hi u	27/01/1997	CDXN19N	C.403 (2)
349	1510080117	D ng Th	Hoa	12/01/1997	CDKT19E	C.403 (2)
350	1510080180	D ng Th Thanh	Hoa	11/11/1997	CDKT19D	C.403 (2)
351	1510010614	Lê Th Bé	Hoa	26/12/1997	CDXN19Q	C.502 (1)
352	1510050225	Nguy n Th	Hoa	13/02/1997	CDKS19D	C.502 (1)
353	1510011065	Nguy n Th	Hoa	05/02/1996	CDXN19A	C.502 (1)
354	1510011007	Nguy n Th H ng	Hoa	08/06/1996	CDXN19C	C.502 (1)
355	1510020255	Nguy n Th M	Hoa	31/03/1997	CDTA19I	C.502 (1)
356	1510080377	Nguy n Th Thanh	Hoa	02/07/1997	CDKT19D	C.502 (1)
357	1510010994	Ph m Th	Hoa	10/06/1997	CDXN19C	C.502 (1)
358	1510020727	T Th Thanh	Hoa	30/10/1997	CDTA19N	C.502 (1)
359	1510080022	Tr n Th	Hoa	16/11/1997	CDKT19E	C.502 (1)
360	1510010293	Tr n Th Ng c	Hoa	27/01/1997	CDXN19F	C.502 (1)
361	1510010019	Lê Thanh	Hòa	10/10/1997	CDXN19A	C.502 (1)
362	1510010831	Nguy n Th Xuân	Hòa	21/12/1997	CDXN19P	C.502 (1)
363	1510020145	Tr n Th Ái	Hòa	28/09/1997	CDTA19C	C.502 (1)



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
364	1510010139	Tr n Xuân	Hòa	05/12/1997	CDXN19C	C.502 (1)
365	1510080217	Bùi Thu	Hoài	01/02/1997	CDKT19H	C.502 (1)
366	1510050041	Nguy n Th Minh	Hoài	15/05/1997	CDKS19A	C.502 (1)
367	1510020033	Nguy n Th	Hoàn	01/06/1997	CDTA19A	C.502 (1)
368	1510030203	Nguy n c	Hoàng	14/05/1997	CDQT19C	C.502 (1)
369	1510010467	Võ Th Tiên	Hoàng	01/04/1997	CDXN19I	C.502 (1)
370	1510010881	Nguy n Th	Hoanh	28/10/1997	CDXN19D	C.502 (1)
371	1510020379	Lê Th	H ng	12/05/1997	CDTA19L	C.502 (1)
372	1510060082	Lê Th Thu	H ng	10/11/1997	CDMA19D	C.502 (1)
373	1510010005	Mai Th Thu	H ng	11/11/1997	CDXN19O	C.502 (1)
374	1510080099	Ngô Bích	H ng	03/04/1997	CDKT19B	C.502 (1)
375	1510020062	Nguy n Th	H ng	06/11/1997	CDTA19B	C.502 (1)
376	1510020563	Nguy n V n	H ng	10/05/1996	CDTA19K	C.502 (1)
377	1510020569	V Th	H ng	18/01/1997	CDTA19C	C.502 (1)
378	1410010777	V Th Bích	H ng	20/08/1996	CDXN18H	C.502 (1)
379	1510011037	Hu nh Th Lam	Huê	01/12/1997	CDXN19M	C.502 (1)
380	1510080126	Nguy n Th Kim	Hu	20/03/1997	CDKT19G	C.502 (1)
381	1510080020	Ngô Th	Hu	27/03/1997	CDKT19F	C.502 (1)
382	1510020224	Nguy n Th	Hu	09/02/1997	CDTA19E	C.502 (1)
383	1510080113	Nguy n Th M	Hu	19/11/1997	CDKT19C	C.502 (1)
384	1510080103	Phan Th Minh	Hu	10/11/1997	CDKT19F	C.502 (1)
385	1510070048	Tô Th	Hu	14/07/1996	CDTH19	C.502 (1)
386	1510011013	Tr ng Th	Hu	04/05/1997	CDXN19M	C.502 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
387	1510010923	Bùi Minh	Hùng	03/03/1997	CDXN19D	C.502 (2)
388	1510080363	Nguyễn Văn	Hùng	31/07/1997	CDKT19D	C.502 (2)
389	1410011175	Nguyễn Quốc	Hùng	25/07/1995	CDXN18S	C.502 (2)
390	1510080210	Nguyễn Thị Mỹ	Hùng	12/12/1997	CDKT19H	C.502 (2)
391	1510090116	Ninh Duy	Hùng	05/10/1997	CDTC19A	C.502 (2)
392	1510010542	Phan Tuấn	Hùng	28/09/1997	CDXN19K	C.502 (2)
393	1510080138	Bùi Đình	Hùng	12/06/1996	CDKT19G	C.502 (2)
394	1510010820	H Thanh	Hùng	02/11/1997	CDXN19N	C.502 (2)
395	1510080344	Lê Thị	Hùng	30/05/1997	CDKT19D	C.502 (2)
396	1510060012	Lê Thị Thanh	Hùng	11/01/1997	CDMA19D	C.502 (2)
397	1510010303	Lê Thị Lan	Hùng	20/11/1997	CDXN19F	C.502 (2)
398	1510080193	Lê Thị Thiên	Hùng	24/10/1997	CDKT19E	C.502 (2)
399	1510090126	Nguyễn Hoàng	Hùng	21/03/1996	CDTC19B	C.502 (2)
400	1510080282	Nguyễn Lan	Hùng	05/09/1997	CDKT19D	C.502 (2)
401	1510060086	Nguyễn Ngọc Xuân	Hùng	26/08/1997	CDMA19B	C.502 (2)
402	1410010319	Nguyễn Phạm Hoài	Hùng	18/01/1996	CDXN18Q	C.502 (2)
403	1510020546	Nguyễn Thị	Hùng	19/10/1997	CDTA19D	C.502 (2)
404	1510020472	Nguyễn Thị Cẩm	Hùng	25/01/1997	CDTA19F	C.502 (2)
405	1510080041	Nguyễn Thị Lan	Hùng	26/10/1997	CDKT19F	C.502 (2)
406	1510010702	Nguyễn Thị Mai	Hùng	11/08/1997	CDXN19G	C.502 (2)
407	1510020280	Nguyễn Thị Mai	Hùng	13/05/1997	CDTA19F	C.502 (2)
408	1510020069	Nguyễn Thị Quỳnh	Hùng	07/05/1997	CDTA19B	C.502 (2)
409	1410011169	Phạm Nguyễn Thiên	Hùng	04/02/1996	CDXN18R	C.502 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
410	1510010509	Ph m Th Di m	H ng	06/04/1997	CDXN19T	C.502 (2)
411	1510010088	Ph m Th Kim	H ng	20/12/1997	CDXN19B	C.502 (2)
412	1510080104	Ph m Th Thu	H ng	21/01/1997	CDKT19C	C.502 (2)
413	1510080012	Ph m Thiên	H ng	06/11/1997	CDKT19A	C.502 (2)
414	1510010364	Phan Th y Qu nh	H ng	23/09/1997	CDXN19G	C.502 (2)
415	1510011081	Thái Th	H ng	24/04/1997	CDXN19R	C.502 (2)
416	1510050127	Tô Th Thanh	H ng	15/11/1996	CDKS19C	C.502 (2)
417	1510010322	Tr n Nguy n Y n	H ng	09/01/1997	CDXN19F	C.502 (2)
418	1510010637	Tr n Th Qu nh	H ng	25/04/1997	CDXN19H	C.502 (2)
419	1510060253	Tr n Th Thu	H ng	28/07/1997	CDMA19B	C.502 (2)
420	1510020073	Tr ng Th Thanh	H ng	17/11/1997	CDTA19B	C.502 (2)
421	1510010391	Nguy n Th	H ng	14/07/1997	CDXN19P	C.503 (1)
422	1510011123	Nguy n Th	H ng	04/04/1995	CDXN19A	C.503 (1)
423	1410010684	Nguy n Th Thu	H ng	23/11/1996	CDXN18T	C.503 (1)
424	1410011067	Tr nh Th Kim	H ng	13/04/1995	CDXN18A	C.503 (1)
425	1510060004	Lê Hoàng	H u	19/02/1997	CDMA19D	C.503 (1)
426	1410010273	Tô Công	H u	15/08/1996	CDXN18P	C.503 (1)
427	1510060193	ng Lê Quang	Huy	30/10/1994	CDMA19D	C.503 (1)
428	1510030086	Lê B o Gia	Huy	25/10/1997	CDQT19B	C.503 (1)
429	1510011111	Lê Thi u	Huy	07/02/1996	CDXN19A	C.503 (1)
430	1510030165	Nguy n Hoàng	Huy	04/03/1994	CDQT19A	C.503 (1)
431	1510010683	Nguy n Qu c	Huy	14/12/1997	CDXN19N	C.503 (1)
432	1510020623	Ph m Hu nh c	Huy	16/12/1996	CDTA19B	C.503 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
433	1510020545	Võ Thanh	Huy	17/12/1997	CDTA19D	C.503 (1)
434	1510080124	Châu Th M	Huy n	13/01/1997	CDKT19G	C.503 (1)
435	1510080340	Th Thanh	Huy n	01/09/1997	CDKT19G	C.503 (1)
436	1510010142	Hu nh Th Bích	Huy n	07/10/1997	CDXN19K	C.503 (1)
437	1510010212	Lê Nh t Ph ng	Huy n	06/10/1997	CDXN19K	C.503 (1)
438	1510060075	Lê Th Ng c	Huy n	23/07/1997	CDMA19B	C.503 (1)
439	1510050147	Lê Th Thanh	Huy n	08/08/1997	CDKS19C	C.503 (1)
440	1410010204	Lê Th Th o	Huy n	22/09/1995	CDXN18P	C.503 (1)
441	1510030200	Ngô Th Thu	Huy n	12/08/1997	CDQT19D	C.503 (1)
442	1510080121	Nguy n Th L	Huy n	14/07/1997	CDKT19G	C.503 (1)
443	1510030128	Nguy n Th Minh	Huy n	06/11/1997	CDQT19A	C.503 (1)
444	1510010375	Nguy n Th M	Huy n	20/01/1997	CDXN19G	C.503 (1)
445	1510080169	Nguy n Th Ng c	Huy n	03/12/1997	CDKT19E	C.503 (1)
446	1510011140	Nguy n Th Thanh	Huy n	08/07/1997	CDXN19U	C.503 (1)
447	1510090103	Nguy n Th Thu	Huy n	01/05/1996	CDTC19A	C.503 (1)
448	1510060176	Tr n Th Thanh	Huy n	24/10/1997	CDMA19A	C.503 (1)
449	1510010978	Tr nh Th Ng c	Huy n	10/02/1997	CDXN19R	C.503 (1)
450	1510080406	V Ng c	Huy n	23/04/1997	CDKT19C	C.503 (1)
451	1510011133	V Th Thanh	Huy n	12/10/1994	CDXN19R	C.503 (1)
452	1510010057	ng Th Nh	Hu nh	23/02/1997	CDXN19S	C.503 (1)
453	1410060045	Lê Th Nh	Hu nh	01/08/1995	CDMA18E	C.503 (1)
454	1510080187	Nguy n Ph ng	Hu nh	01/06/1997	CDKT19E	C.503 (1)
455	1410040005	Nguy n oàn V	Khang	03/11/1996	CDXN18S	C.503 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
456	1510080177	V	Nguy n Duy	25/12/1997	CDKT19B	C.503 (2)
457	1510011087		ng Hoàng Ly	15/10/1997	CDXN19R	C.503 (2)
458	1510060043	Hoàng Th Ph	ng	02/09/1997	CDMA19D	C.503 (2)
459	1510010190	Hu nh Lê Ph	ng	10/10/1997	C KDXK19W	C.503 (2)
460	1510010999	Lê Th Ng c		15/02/1997	CDXN19N	C.503 (2)
461	1510080230	Nguy n Ngô M		12/01/1997	CDKT19B	C.503 (2)
462	1510010693	Nguy n Qu c		06/11/1997	CDXN19G	C.503 (2)
463	1510020690	Ph m Th Hoài		17/03/1997	CDTA19K	C.503 (2)
464	1510010945	ào V n		10/02/1997	CDXN19R	C.503 (2)
465	1510010640	Nguy n T nh		19/07/1994	CDXN19H	C.503 (2)
466	1510040011	Ph m V n		29/04/1997	CDXD19	C.503 (2)
467	1510010987	Ngô N Hoàng		06/10/1997	CDXN19C	C.503 (2)
468	1510060117	Lê H u		02/09/1995	CDMA19C	C.503 (2)
469	1510060197	Hu nh Th Ng c		02/03/1997	CDMA19A	C.503 (2)
470	1510050183	Ph m Th		15/11/1997	CDKS19A	C.503 (2)
471	1510010990	Chu Th Di m		09/03/1997	CDXN19C	C.503 (2)
472	1510060270	Hu nh Thanh Nh		01/10/1997	CDMA19E	C.503 (2)
473	1510080308	Phan Th		02/02/1997	CDKT19D	C.503 (2)
474	1510010040	Phan Th M		02/12/1997	CDXN19K	C.503 (2)
475	1510010067	Phan Th M		20/04/1997	CDXN19B	C.503 (2)
476	1510010674	Nguy n Thành		29/06/1997	CDXN19Q	C.503 (2)
477	1510060030	inh Th Xuân		22/12/1997	CDMA19D	C.503 (2)
478	1510010749	Nguy n Th		23/12/1997	CDXN19O	C.503 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
479	1510080317	Cao Th H ng	L i	10/07/1997	CDKT19A	C.503 (2)
480	1410010498	Tr n Ng c	L i	23/06/1996	CDXN18O	C.503 (2)
481	1510010546	Hu nh Th Ng c	Lam	30/06/1997	CDXN19Q	C.503 (2)
482	1510060178	Nguy n Th H ng	Lam	10/08/1997	CDMA19D	C.503 (2)
483	1510060248	Nguy n Th M	Lam	19/11/1997	CDMA19B	C.503 (2)
484	1510060179	Tr n Ng c Tr ng	Lâm	12/06/1997	CDMA19D	C.503 (2)
485	1510050126	Lê Th	Lan	26/03/1997	CDKS19C	C.503 (2)
486	1510080110	M c Qu c	Lan	03/03/1997	CDKT19C	C.503 (2)
487	1510020090	Ph m Nh Hoàng	Lan	11/02/1997	CDTA19B	C.503 (2)
488	1510080295	Võ Thanh	Lan	07/08/1997	CDKT19A	C.503 (2)
489	1510060049	Nguy n Th Ng c	Lành	17/10/1997	CDMA19A	C.503 (2)
490	1510050244	Nguy n Th	L p	14/09/1996	CDKS19D	C.503 (2)
491	1510020382	H Th M	L	13/05/1997	CDTA19G	C.602 (1)
492	1510020055	Lê Th	L	08/10/1996	CDTA19A	C.602 (1)
493	1510010024	Lê Th M	L	16/09/1997	CDXN19A	C.602 (1)
494	1510011067	Nguy n Th Duy	L	20/06/1997	CDXN19R	C.602 (1)
495	1510060054	Nguy n Th M	L	15/06/1997	CDMA19D	C.602 (1)
496	1510020328	Nguy n Th M	L	07/10/1997	CDTA19F	C.602 (1)
497	1510020307	Nguy n Th M	L	20/01/1997	C TATM19O	C.602 (1)
498	1410020267	Ph m Th	L	06/03/1995	CDTA18I	C.602 (1)
499	1510010281	Tr n Th Nh t	L	14/02/1997	CDXN19F	C.602 (1)
500	1510020736	Thành	Liên	15/06/1997	CDTA19K	C.602 (1)
501	1510020514	Lê Th H ng	Liên	30/04/1997	CDTA19L	C.602 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
502	1510010528	Lê Th Ng c	Liên	28/09/1997	CDXN19K	C.602 (1)
503	1510010520	L u Nguy n Th Thùy	Liên	22/11/1997	CDXN19Q	C.602 (1)
504	1410010158	Lý Th Bích	Liên	12/02/1996	CDXN18I	C.602 (1)
505	1510060051	Nguy n Kim	Liên	17/02/1997	CDMA19C	C.602 (1)
506	1510010622	Nguy n Th Kim	Liên	11/11/1997	CDXN19Q	C.602 (1)
507	1510080392	Nguy n Th Thùy	Liên	18/07/1996	CDKT19G	C.602 (1)
508	1510010144	Ph m Th H ng	Liên	15/12/1997	CDXN19O	C.602 (1)
509	1510010326	Ph m Th Kim	Liên	12/10/1997	CDXN19T	C.602 (1)
510	1510011108	Tr n Th	Liên	20/11/1997	CDXN19M	C.602 (1)
511	1510080058	V Ng c	Liên	20/09/1997	CDKT19E	C.602 (1)
512	1510060169	Bùi Th Di u	Linh	19/01/1997	CDMA19A	C.602 (1)
513	1510010721	Bùi Th M	Linh	16/01/1997	CDXN19N	C.602 (1)
514	1510030213	ng N Thùy	Linh	13/07/1997	CDQT19D	C.602 (1)
515	1510060105	ng Th Thùy	Linh	09/11/1997	CDMA19B	C.602 (1)
516	1510030105	ào Th Tài	Linh	10/11/1997	CDQT19B	C.602 (1)
517	1510010296	inh Ng c	Linh	18/09/1996	C KDXK19V	C.602 (1)
518	1510060180	Th Ng c	Linh	19/09/1997	CDMA19D	C.602 (1)
519	1510010409	H D ng Th c	Linh	06/10/1997	CDXN19M	C.602 (1)
520	1510010037	Hu nh Nguy n Ph ng	Linh	30/09/1997	CDXN19A	C.602 (1)
521	1510010182	Kha Y n	Linh	30/09/1995	CDXN19O	C.602 (1)
522	1510020435	Lê Khánh	Linh	26/09/1997	CDTA19G	C.602 (1)
523	1510070008	Lê Nh	Linh	27/12/1996	CDTH19	C.602 (1)
524	1510030236	Lê Th M	Linh	30/07/1997	CDKT19B	C.602 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
525	1510020656	Lê Th Trúc	Linh	28/11/1997	CDTA19K	C.602 (1)
526	1510090001	Mai Hoàng Nh t	Linh	02/12/1997	CDTC19B	C.602 (2)
527	1510010349	Mai Lam	Linh	19/02/1997	CDXN19L	C.602 (2)
528	1510010129	Ngô Châu	Linh	25/11/1997	CDXN19S	C.602 (2)
529	1510010500	Nguy n Chí	Linh	13/01/1997	C KDXK19W	C.602 (2)
530	1510020211	Nguy n oàn Th o	Linh	05/10/1997	CDTA19D	C.602 (2)
531	1510010381	Nguy n Hoàng	Linh	20/12/1997	CDXN19G	C.602 (2)
532	1510080273	Nguy n Hoàng Thùy	Linh	06/08/1993	CDKT19B	C.602 (2)
533	1510010385	Nguy n H ng M nh	Linh	09/09/1997	CDXN19L	C.602 (2)
534	1510010993	Nguy n Lam	Linh	25/07/1997	CDXN19C	C.602 (2)
535	1510010015	Nguy n Ng c Ph ng	Linh	31/10/1997	CDXN19A	C.602 (2)
536	1510011000	Nguy n Ph m Thùy	Linh	03/07/1997	CDXN19C	C.602 (2)
537	1510050209	Nguy n Thành	Linh	26/05/1997	CDKS19A	C.602 (2)
538	1510010765	Nguy n Th Ánh	Linh	17/07/1997	CDXN19N	C.602 (2)
539	1510010095	Nguy n Th C m	Linh	03/02/1996	CDXN19B	C.602 (2)
540	1510020586	Nguy n Th Hoài	Linh	18/01/1997	CDTA19K	C.602 (2)
541	1510010368	Nguy n Th M	Linh	02/03/1997	CDXN19G	C.602 (2)
542	1510060033	Nguy n Th M	Linh	07/01/1997	CDMA19A	C.602 (2)
543	1510010214	Nguy n Th Ng c	Linh	10/06/1997	CDXN19O	C.602 (2)
544	1510050204	Nguy n Th Nh	Linh	24/12/1997	CDKS19D	C.602 (2)
545	1510070013	Nguy n Th Ph ng	Linh	16/07/1994	CDTH19	C.602 (2)
546	1510020352	Nguy n Th Thu	Linh	21/11/1997	C TATM19O	C.602 (2)
547	1510020156	Nguy n Th Thùy	Linh	25/10/1997	CDTA19H	C.602 (2)



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
548	1510010149	Nguy n Th Thùy	Linh	15/06/1997	CDXN19K	C.602 (2)
549	1510080345	Nguy n Th Trúc	Linh	03/10/1997	CDKT19G	C.602 (2)
550	1510070042	Nguy n Tr ng	Linh	11/05/1996	CDTH19	C.602 (2)
551	1510090081	Ph m Thanh	Linh	17/01/1997	CDTC19B	C.602 (2)
552	1510030294	Phan Th Kim	Linh	20/07/1997	CDQT19C	C.602 (2)
553	1510070047	Tr n H u	Linh	04/06/1996	CDTH19	C.602 (2)
554	1510080362	Tr n Th Ng c	Linh	02/05/1996	CDKT19G	C.602 (2)
555	1510020470	Tr n Tú	Linh	16/10/1997	CDTA19F	C.602 (2)
556	1510010377	Tr ng Nguy n Nh c	Linh	02/02/1997	CDXN19L	C.602 (2)
557	1510050186	Tr ng Nguy n Thùy	Linh	17/06/1997	CDKS19A	C.602 (2)
558	1510080152	Tr ng Th Ng c	Linh	15/10/1997	CDKT19E	C.602 (2)
559	1510010736	Võ Th M	Linh	12/04/1997	CDXN19U	C.602 (2)
560	1510080405	D ng Th	Loan	28/02/1997	CDKT19C	C.602 (2)
561	1510050047	Hu nh Th C m	Loan	08/09/1997	CDKS19C	C.603 (1)
562	1510010876	Nguy n Th	Loan	21/06/1997	CDXN19N	C.603 (1)
563	1510050160	Nguy n Th Kim	Loan	24/06/1997	CDKS19A	C.603 (1)
564	1510020344	Nguy n Th Kim	Loan	23/10/1997	CDTA19L	C.603 (1)
565	1510060188	Nguy n Th M	Loan	01/01/1997	CDMA19A	C.603 (1)
566	1410011008	Nguy n Th Ph ng	Loan	26/02/1996	CDXN18S	C.603 (1)
567	1510010530	Nguy n Th Thúy	Loan	14/03/1997	CDXN19Q	C.603 (1)
568	1510010310	Phan Th	Loan	10/03/1997	C KDXK19V	C.603 (1)
569	1510010827	Tr n Th	Loan	25/05/1997	CDXN19U	C.603 (1)
570	1510030038	Nguy n Thanh	L c	19/02/1997	CDQT19B	C.603 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
571	1510060055	Võ Tr  ng	L c	08/10/1997	CDMA19C	C.603 (1)
572	1510050051	H Ng c Kim	L i	26/02/1997	CDKS19C	C.603 (1)
573	1510030197	Lê Th	L i	01/01/1997	CDXN19C	C.603 (1)
574	1510020225	Nguy n Th	L i	17/04/1997	CDTA19E	C.603 (1)
575	1510020365	Bùi T n	Long	19/09/1997	CDTA19N	C.603 (1)
576	1510010427	Nguy n Nh t	Long	04/11/1997	CDXN19H	C.603 (1)
577	1510020353	Tr nh Hoàng	Long	20/03/1997	CDTA19G	C.603 (1)
578	1510080281	Nguy n Th	L a	29/08/1997	CDKT19H	C.603 (1)
579	1510010796	ng Th	Luân	30/11/1997	CDXN19P	C.603 (1)
580	1510010304	Lê Thành	Luân	26/06/1997	CDXN19T	C.603 (1)
581	1510010123	Nguy n Tr ng	Luân	25/08/1997	CDXN19S	C.603 (1)
582	1510030212	Võ Hu nh	Luân	17/04/1997	CDQT19D	C.603 (1)
583	1510020059	Hu nh Ng c	Lu n	01/05/1997	CDTA19B	C.603 (1)
584	1510030041	Nguy n V	L c	02/02/1997	CDQT19D	C.603 (1)
585	1510060016	Phan Th M	Luông	19/10/1997	CDMA19D	C.603 (1)
586	1510010412	Tr n Th Kim	Luy n	09/10/1996	CDXN19H	C.603 (1)
587	1510030027	Tr ng Th	Luy n	05/05/1997	CDQT19D	C.603 (1)
588	1510010606	ào Th H ng	Ly	15/10/1997	CDXN19T	C.603 (1)
589	1510070012	oàn Th Di u	Ly	17/11/1997	CDTH19	C.603 (1)
590	1510020673	H Th Bé	Ly	13/01/1997	CDTA19K	C.603 (1)
591	1510050068	Hu nh Th Khánh	Ly	27/08/1997	CDKS19B	C.603 (1)
592	1510080074	Lê Khánh	Ly	10/09/1997	CDKT19C	C.603 (1)
593	1510011125	Lê Ng c Thái	Ly	19/09/1997	CDXN19A	C.603 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
594	1510010815	Lê Th Khánh	Ly	06/09/1997	CDXN19N	C.603 (1)
595	1510090052	Nguy n ng Khánh	Ly	09/08/1997	CDTC19A	C.603 (1)
596	1510010782	Nguy n Th Ki u	Ly	18/07/1996	CDXN19N	C.603 (2)
597	1510010899	Nguy n Th Sao	Ly	06/04/1997	CDXN19R	C.603 (2)
598	1510010864	Nguy n Y n	Ly	15/08/1997	CDXN19N	C.603 (2)
599	1510010634	Ph m Th Bích	Ly	02/12/1997	CDXN19Q	C.603 (2)
600	1510080164	Tr n Th Hoài	Ly	23/04/1996	CDKT19C	C.603 (2)
601	1510080205	Tr n Th Ly	Ly	24/04/1997	CDKT19B	C.603 (2)
602	1510010895	Ph m Th Thiên	Lý	12/06/1997	CDXN19D	C.603 (2)
603	1510080003	Phan Th Trúc	Lý	30/12/1997	CDKT19C	C.603 (2)
604	1510010738	Bùi Th	Mai	30/03/1997	CDXN19N	C.603 (2)
605	1510010138	Th Xuân	Mai	04/09/1997	CDXN19K	C.603 (2)
606	1510030184	Hu nh Th Xuân	Mai	21/09/1997	CDQT19D	C.603 (2)
607	1510010855	Lê Ng c	Mai	31/07/1997	CDXN19U	C.603 (2)
608	1510020704	Lê Th Ng c	Mai	04/04/1997	CDTA19A	C.603 (2)
609	1510030239	L ng Tuy t	Mai	08/06/1997	CDQT19E	C.603 (2)
610	1510090011	Nguy n Thanh	Mai	18/11/1995	CDTC19A	C.603 (2)
611	1510080232	Nguy n Th Hu nh	Mai	16/08/1996	CDKT19D	C.603 (2)
612	1510020128	Nguy n Th Ng c	Mai	14/04/1996	CDTA19H	C.603 (2)
613	1510020473	Nguy n Th Ng c	Mai	14/04/1997	CDTA19F	C.603 (2)
614	1510080101	Nguy n Th Ng c	Mai	29/01/1997	CDKT19B	C.603 (2)
615	1510080131	Nguy n Th Qu nh	Mai	01/01/1997	CDKT19C	C.603 (2)
616	1510060074	Nguy n Th Thanh	Mai	15/03/1997	CDMA19B	C.603 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
617	1510010717	Nguy n Th Tuy t	Mai	20/09/1997	CDXN19N	C.603 (2)
618	1510010344	Nguy n Th Xuân	Mai	05/09/1997	C KDXK19W	C.603 (2)
619	1510080127	Nguy n Th Xuân	Mai	10/08/1996	CDKT19C	C.603 (2)
620	1510010270	Ph m Ng c	Mai	10/06/1997	CDXN19L	C.603 (2)
621	1510060044	Ph m Th Ng c	Mai	09/11/1997	CDMA19C	C.603 (2)
622	1510080068	Tr n Th	Mai	24/08/1997	CDKT19C	C.603 (2)
623	1510020028	Tr n Th y Xuân	Mai	17/03/1997	CDTA19A	C.603 (2)
624	1510050159	Tr nh Th	Mai	25/01/1997	CDKS19C	C.603 (2)
625	1510010036	Võ Th Hu nh	Mai	24/07/1997	CDXN19A	C.603 (2)
626	1510010314	Võ Th Tuy t	Mai	20/04/1997	CDXN19L	C.603 (2)
627	1510010311	Võ Th Xuân	Mai	02/06/1997	C KDXK19W	C.603 (2)
628	1510010846	ào Th Minh	M n	16/10/1997	CDXN19D	C.603 (2)
629	1510020304	Lý Thi	M n	09/08/1996	CDTA19I	C.603 (2)
630	1510080088	Tr n Hu	M n	15/12/1997	CDKT19B	C.603 (2)
631	1510030026	Bùi Th H ng	M n	06/06/1996	CDQT19C	C.701 (1)
632	1510030282	Lê Th	M nh	02/10/1997	CDQT19C	C.701 (1)
633	1510011083	Nguy n Th Tri u	M n	20/07/1997	CDXN19A	C.701 (1)
634	1410020313	Thông Th	Mênh	10/01/1996	CDTA18K	C.701 (1)
635	1510050220	Hu nh Th Qu nh	Mi	26/10/1997	CDKS19D	C.701 (1)
636	1510020234	Lê Lê Tú	Mi	19/02/1997	CDTA19I	C.701 (1)
637	1510030091	Ngô H ng	Mi	17/05/1997	CDQT19B	C.701 (1)
638	1510010071	Nguy n Th Trà	Mi	20/06/1996	C KDXK19W	C.701 (1)
639	1510050158	Trà	Mi	18/07/1997	CDKS19C	C.701 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
640	1510080200	Ph m Th	M	10/05/1997	CDKT19D	C.701 (1)
641	1510010256	ng Công	Minh	25/01/1997	CDXN19E	C.701 (1)
642	1510060056	Kh ng c	Minh	15/08/1995	CDMA19B	C.701 (1)
643	1410020403	Lê Nguy n Th o	Minh	05/10/1996	CDTA19I	C.701 (1)
644	1510011084	Lê Tr ng	Minh	05/12/1997	CDXN19R	C.701 (1)
645	1510020010	Nguy n c	Minh	05/06/1997	CDTA19A	C.701 (1)
646	1510010045	Tr n Lê Nh t	Minh	01/01/1997	CDXN19A	C.701 (1)
647	1510011085	ng Th	M	09/09/1997	CDXN19A	C.701 (1)
648	1510020706	Bùi Th	M c	25/07/1996	CDTA19A	C.701 (1)
649	1510090031	Tr ng Th Ng c	Mu i	25/07/1997	CDTC19A	C.701 (1)
650	1510060257	Võ ình	Mu n	09/02/1996	CDMA19A	C.701 (1)
651	1510010949	Th	My	05/03/1997	C KDXK19V	C.701 (1)
652	1510020444	oàn Th o	My	11/11/1997	CDTA19H	C.701 (1)
653	1510090012	Hoàng Ng c Huy n	My	21/01/1997	CDTC19B	C.701 (1)
654	1510010114	Hu nh Th Di m	My	13/03/1997	CDXN19O	C.701 (1)
655	1510010348	Hu nh Th Nga	My	15/04/1997	CDXN19G	C.701 (1)
656	1510020697	Lê Th Huy n	My	22/12/1997	CDTA19K	C.701 (1)
657	1510060088	Lê Th Trúc	My	02/12/1996	CDMA19D	C.701 (1)
658	1510080183	Ngô Lê Trà	My	20/09/1996	CDKT19B	C.701 (1)
659	1510011053	Nguy n Ki u	My	05/09/1997	CDXN19B	C.701 (1)
660	1510010306	Nguy n Lê Th o	My	28/01/1997	CDXN19F	C.701 (1)
661	1510020400	Nguy n Ng c Th o	My	27/10/1997	CDTA19G	C.701 (1)
662	1510050013	Nguy n Th Di m	My	14/07/1997	CDKS19C	C.701 (1)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
663	1510010553	Nguy n Th Di m	My	10/03/1997	CDXN19Q	C.701 (1)
664	1510010018	Nguy n Th Hoài	My	14/02/1997	CDXN19A	C.701 (1)
665	1510010196	Nguy n Th H ng	My	08/02/1997	CDXN19K	C.701 (1)
666	1510011056	Nguy n Th Ki u	My	20/04/1997	CDXN19B	C.701 (2)
667	1510010597	Nguy n Th Ki u	My	17/05/1997	CDXN19L	C.701 (2)
668	1510010522	Nguy n Th Trà	My	28/10/1996	CDXN19Q	C.701 (2)
669	1510050219	Nguy n Th Trà	My	1996	CDKS19D	C.701 (2)
670	1510020155	Nguy n Th Trà	My	06/05/1997	C TATM19O	C.701 (2)
671	1510010430	Phan Th Nh t	My	19/02/1997	CDXN19H	C.701 (2)
672	1510010033	Phan Th Trà	My	02/07/1997	CDXN19S	C.701 (2)
673	1510060251	Thái Th Thanh	My	22/09/1997	CDMA19E	C.701 (2)
674	1510010301	Thi Th Trà	My	29/12/1997	CDXN19L	C.701 (2)
675	1510010081	Tr n Th Di m	My	23/06/1997	CDXN19K	C.701 (2)
676	1510010237	Tr n Th Ti u	My	17/02/1997	CDXN19E	C.701 (2)
677	1510020417	V Th o	My	24/05/1997	CDTA19G	C.701 (2)
678	1510010898	Hà Hoàng	M	31/05/1996	CDXN19N	C.701 (2)
679	1510060104	Nguy n Th	M	04/02/1997	CDMA19D	C.701 (2)
680	1510011055	Nguy n Th H ng	M	19/05/1997	CDXN19B	C.701 (2)
681	1510011077	Võ Th Minh	M	12/08/1997	CDXN19U	C.701 (2)
682	1510030062	Bùi Th H ng	M	12/05/1997	CDQT19B	C.701 (2)
683	1510011029	Lê Võ H i	M	10/12/1997	CDXN19R	C.701 (2)
684	1510030061	Lê Vi t	Nam	12/09/1997	CDQT19B	C.701 (2)
685	1510010020	M Th Châu	Nam	01/05/1997	CDXN19K	C.701 (2)

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
686	1510010445	Nguy n Hoàng Ph ng	Nam	05/11/1997	CDXN19H	C.701 (2)
687	1510060019	Tr n Ti n	Nam	01/04/1997	CDMA19D	C.701 (2)
688	1510010737	Nguy n Th Minh	N ng	06/06/1997	CDXN19F	C.701 (2)
689	1510020077	D ng M	Nga	15/10/1997	CDTA19B	C.701 (2)
690	1410010386	H Th	Nga	17/04/1996	CDXN18Q	C.701 (2)
691	1510080289	Hu nh ng Tuy t	Nga	06/10/1997	CDKT19A	C.701 (2)
692	1510010011	Hu nh Th Tuy t	Nga	11/09/1997	CDXN19O	C.701 (2)
693	1510010100	Lã Th	Nga	30/01/1997	CDXN19K	C.701 (2)
694	1510080271	Lê Th H ng	Nga	02/02/1997	CDKT19H	C.701 (2)
695	1510011069	Nguy n Qu nh	Nga	02/10/1997	CDXN19M	C.701 (2)
696	1410060232	Nguy n Th H ng	Nga	20/05/1996	CDMA18E	C.701 (2)
697	1510010278	Nguy n Th Tuy t	Nga	27/12/1997	CDXN19E	C.701 (2)
698	1510080123	Tr nh Th Thúy	Nga	01/11/1997	CDKT19B	C.701 (2)
699	1410080101	V ng Th Thuý	Nga	20/06/1993	CDKT18E	C.701 (2)
700	1510050208	Nguy n Th B ch	Ngà	02/10/1997	CDKS19D	C.701 (2)
701	1510050156	Tr nh Th	Ngà	07/10/1997	CDKS19C	D.001
702	1510030241	Chu Th Th o	Ngân	14/10/1997	CDQT19E	D.001
703	1510050198	Th Di u	Ngân	02/07/1997	CDKS19D	D.001
704	1410020325	L i Th Kim	Ngân	07/08/1996	CDTA18F	D.001
705	1510010288	Lê Thái	Ngân	08/01/1997	CDXN19L	D.001
706	1510010085	Lê Thanh	Ngân	29/08/1997	CDXN19K	D.001
707	1510080418	Lê Th Kim	Ngân	07/11/1997	CDKT19A	D.001
708	1510030205	L ng Thúy	Ngân	12/10/1997	CDQT19D	D.001

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
709	1510080374	Ngô Th Tuy t	Ngân	23/05/1997	CDKT19G	D.001
710	1510010074	Nguy n Hoàng Bích	Ngân	16/10/1996	CDXN19B	D.001
711	1510020475	Nguy n H ng	Ngân	21/12/1997	CDTA19F	D.001
712	1510080231	Nguy n Hu nh Bích	Ngân	31/12/1997	CDKT19D	D.001
713	1510010415	Nguy n Ng c	Ngân	07/09/1997	CDXN19H	D.001
714	1510010935	Nguy n Ng c Kim	Ngân	27/10/1997	CDXN19C	D.001
715	1510030024	Nguy n Ng c Ph ng	Ngân	27/02/1997	CDKT19F	D.001
716	1510050145	Nguy n Thanh	Ngân	29/11/1997	CDKS19C	D.001
717	1510010042	Nguy n Th C m	Ngân	02/11/1997	CDXN19S	D.001
718	1510080208	Nguy n Th Kim	Ngân	01/09/1997	CDKT19B	D.001
719	1510020441	Nguy n Th Kim	Ngân	16/02/1996	CDTA19G	D.001
720	1510080325	Nguy n Th Thanh	Ngân	17/04/1997	CDKT19F	D.001
721	1510030182	Nguy n Th Thúy	Ngân	14/03/1997	CDQT19D	D.001
722	1510010106	Nguy n Th Thúy	Ngân	04/03/1996	CDXN19K	D.001
723	1510060223	Nguy n Th Trúc	Ngân	22/02/1997	CDMA19A	D.001
724	1510080055	Nguy n Thu	Ngân	28/11/1997	CDKT19F	D.001
725	1510080204	Nguy n V Thùy	Ngân	12/08/1997	CDKT19B	D.001
726	1510080329	Ph m Hoàng Kim	Ngân	25/07/1997	CDKT19A	D.001
727	1510050105	T Th Thu	Ngân	06/08/1997	CDKS19B	D.001
728	1510080203	Tr n Th Bích	Ngân	08/02/1997	CDKT19D	D.001
729	1510050114	Tr n Th Kim	Ngân	01/10/1997	CDKS19C	D.001
730	1510010109	Tr n Th Kim	Ngân	17/01/1997	CDXN19B	D.001
731	1510090065	Tr n Th Kim	Ngân	01/07/1997	CDTC19A	D.001



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA	
732	1510010588	Tr	ng Thanh	Ngân	22/11/1997	CDXN19L	D.001
733	1510010408	Tr	ng Th y	Ngân	26/08/1997	CDXN19M	D.001
734	1510010147	Võ Th	Thanh	Ngân	20/05/1997	CDXN19C	D.001
735	1510080064	Võ Th	Thanh	Ngân	09/05/1997	CDKT19B	D.001
736	1510010853	Nguy n	V nh	Nghi	16/01/1997	CDXN19U	D.001
737	1510020097	T	V ình	Nghi	24/05/1997	CDTA19B	D.001
738	1510010902	Nguy n	Tr ng	Ngh a	22/11/1995	CDXN19R	D.001
739	1510090119	ng H	Nh	Ng c	31/01/1997	CDTC19B	D.001
740	1510020523	ng Th	Bích	Ng c	06/06/1997	CDTA19N	D.001
741	1510020388	Th H	ng	Ng c	18/03/1997	CDTA19G	D.002
742	1510030005	D	ng Kim	Ng c	07/08/1997	CDQT19A	D.002
743	1510010136	L	ng Th M	Ng c	08/06/1997	CDXN19S	D.002
744	1510010295	Lê Ph	m Ánh	Ng c	22/07/1997	CDXN19L	D.002
745	1510080311	Lê Th	B o	Ng c	20/07/1997	CDKT19F	D.002
746	1510020487	Lê Th	Thúy	Ng c	30/07/1997	CDTA19F	D.002
747	1510050230	Lê	Thúy	Ng c	08/12/1997	CDKS19D	D.002
748	1510020276	Ngô Th	Bích	Ng c	24/08/1997	CDTA19E	D.002
749	1510020098	Ngô Th	Nh	Ng c	04/12/1997	C TATM19O	D.002
750	1510010203	Nguy n	inh B o	Ng c	01/11/1997	CDXN19D	D.002
751	1510050103	Nguy n	Nh B o	Ng c	16/12/1996	CDKS19B	D.002
752	1510080384	Nguy n	Th	Ng c	11/09/1996	CDKT19E	D.002
753	1510050164	Nguy n	Th Ánh	Ng c	01/01/1997	CDKS19C	D.002
754	1510020571	Nguy n	Th Bích	Ng c	15/05/1997	CDTA19N	D.002

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
755	1510020178	Nguy n Th H ng	Ng c	18/04/1997	CDTA19D	D.002
756	1510080293	Nguy n Th Thanh	Ng c	15/01/1996	CDKT19F	D.002
757	1510010731	Nguy n Th Y n	Ng c	12/12/1997	CDXN19U	D.002
758	1510010353	Ph m Ánh	Ng c	17/12/1997	CDXN19P	D.002
759	1510050122	Phan Th Kim	Ng c	24/09/1997	CDKS19C	D.002
760	1510080094	Tr n B o	Ng c	25/12/1997	CDKT19E	D.002
761	1510080146	Tr n H Di m	Ng c	10/12/1997	CDKT19E	D.002
762	1510020370	Tr n Nguyên	Ng c	04/05/1997	CDTA19G	D.002
763	1510010805	Tr n Nh	Ng c	12/08/1997	CDXN19U	D.002
764	1510020698	Tr ng Th M	Ng c	16/07/1997	CDTA19A	D.002
765	1510010297	Võ Minh	Ng c	19/11/1997	C KDXK19V	D.002
766	1510030169	Võ Th Nh	Ng c	10/10/1997	CDQT19A	D.002
767	1510060264	Bùi Th Thuý	Nguyên	10/09/1997	CDMA19E	D.002
768	1510020726	Hu nh Phát	Nguyên	22/01/1996	CDTA19K	D.002
769	1410010310	Lê Th Ki u	Nguyên	18/11/1996	CDXN18N	D.002
770	1510010012	Lê Th Th o	Nguyên	03/04/1997	CDXN19K	D.002
771	1510011086	Nguy n Cao	Nguyên	30/04/1996	CDXN19R	D.002
772	1510010271	Nguy n Th Thu	Nguyên	05/03/1997	CDXN19L	D.002
773	1410080357	Tr n Th o	Nguyên	02/10/1996	CDKT18F	D.002
774	1510010046	Tr n Th Th o	Nguyên	10/08/1997	CDXN19K	D.002
775	1510030261	Võ H ng	Nguyên	04/01/1997	CDQT19A	D.002
776	1510011124	Võ Ng c	Nguyên	20/06/1996	CDXN19R	D.002
777	1510020275	V ng Th Khánh	Nguyên	17/07/1997	CDTA19E	D.002

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
778	1510080141	Th Ánh	Nguy t	11/05/1997	CDKT19C	D.002
779	1510080261	Lê H V ng	Nguy t	07/07/1997	CDKT19D	D.002
780	1510010602	Nguy n Th Ánh	Nguy t	26/12/1997	CDXN19L	D.002
781	1510010947	Nguy n Th Minh	Nguy t	04/08/1997	CDXN19C	D.007
782	1510010371	Phan Nguy n Nh t	Nguy t	03/07/1997	CDXN19G	D.007
783	1510060059	Tr n Võ Th Thanh	Nhã	26/09/1997	CDMA19B	D.007
784	1510030258	Hu nh Th	Nhàn	01/02/1997	CDQT19B	D.007
785	1510080403	Ph m Châu Thanh	Nhàn	25/10/1997	CDKT19A	D.007
786	1510020415	Tr ng Th Thanh	Nhàn	23/02/1997	CDTA19H	D.007
787	1510010703	ng Tr n Th o	Nhân	18/04/1997	C KDXK19V	D.007
788	1510020482	H Ph ng B o	Nhân	05/06/1997	CDTA19F	D.007
789	1410010638	Nguy n Thành	Nhân	04/06/1996	CDXN18M	D.007
790	1510011042	Nguy n Th H nh	Nhân	09/12/1997	CDXN19M	D.007
791	1510010623	Nguy n Th Thúy	Nhân	16/04/1997	CDXN19U	D.007
792	1510030257	Võ Hi u	Nhân	03/05/1997	CDQT19B	D.007
793	1510060006	V Tr ng	Nhân	28/01/1997	CDMA19C	D.007
794	1510010487	oàn V n	Nh t	25/10/1996	CDXN19T	D.007
795	1510030054	Võ Lê Minh	Nh t	15/05/1997	CDQT19A	D.007
796	1510010092	Bùi Ph ng Y n	Nhi	27/07/1995	CDXN19S	D.007
797	1510080321	ng Th Tuy t	Nhi	12/06/1997	CDKT19F	D.007
798	1510020283	inh Th Th o	Nhi	02/07/1997	CDTA19F	D.007
799	1510080048	inh Th Ý	Nhi	24/12/1997	CDKT19C	D.007
800	1510011052	Hu nh Th Trúc	Nhi	27/06/1997	CDXN19B	D.007

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
801	1510020705	Hu nh Th Y n	Nhi	27/01/1997	CDTA19A	D.007
802	1510010369	Lê Th o	Nhi	20/09/1997	CDXN19L	D.007
803	1510010227	Lý Hoài	Nhi	27/11/1996	CDXN19E	D.007
804	1510020518	Mai Th Ái	Nhi	16/09/1996	CDTA19D	D.007
805	1510011132	Mai Th Y n	Nhi	29/07/1996	CDXN19R	D.007
806	1410020507	Nguy n	Nhi	23/07/1996	CDTA18K	D.007
807	1510010604	Nguy n Giác Ph ng	Nhi	20/11/1997	CDXN19T	D.007
808	1510010213	Nguy n Hoàng Th o	Nhi	12/03/1997	CDXN19L	D.007
809	1510030156	Nguy n Ng c Ánh	Nhi	25/05/1996	CDQT19A	D.007
810	1510010120	Nguy n Phan Chiêu	Nhi	16/07/1997	CDXN19C	D.007
811	1510020392	Nguy n Th Di m	Nhi	02/08/1996	CDTA19G	D.008
812	1510010636	Nguy n Th Khánh	Nhi	02/09/1997	CDXN19Q	D.008
813	1510020612	Nguy n Th M	Nhi	25/11/1996	CDTA19K	D.008
814	1510020686	Nguy n Th N	Nhi	19/04/1997	CDTA19K	D.008
815	1510010980	Nguy n Th Th c	Nhi	16/08/1997	CDXN19S	D.008
816	1510080019	Nguy n Th Thùy	Nhi	01/11/1997	CDKT19A	D.008
817	1510030187	Nguy n Th Y n	Nhi	22/12/1997	CDQT19D	D.008
818	1510030193	Nguy n Th Y n	Nhi	23/10/1997	CDQT19C	D.008
819	1510060202	Ph m Ng c Y n	Nhi	27/03/1997	CDMA19D	D.008
820	1510010373	Ph m Th Bích	Nhi	07/12/1997	CDXN19G	D.008
821	1510020402	Phan Nguy n Hoài	Nhi	26/02/1997	CDTA19H	D.008
822	1510030204	Phan Nguy n Y n	Nhi	07/07/1997	CDQT19D	D.008
823	1510010950	Tô Kh	Nhi	12/07/1997	CDXN19N	D.008

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
824	1510080206	Tr n Th Th o	Nhi	22/12/1997	CDKT19B	D.008
825	1510010492	Tr nh Th Ph ng	Nhi	09/12/1997	CDXN19M	D.008
826	1510011080	Tr ng Th	Nhi	19/04/1997	CDXN19U	D.008
827	1510030072	Tr ng Th Qu nh	Nhi	01/01/1997	CDQT19B	D.008
828	1510010255	Võ Th Hoàng	Nhi	14/02/1997	CDXN19P	D.008
829	1510030092	Võ Th Th o	Nhi	22/10/1996	CDQT19B	D.008
830	1510010132	V Khúc Uy n	Nhi	27/08/1997	CDXN19K	D.008
831	1510010976	Tr n Th	Nhu	21/02/1996	CDXN19B	D.008
832	1510020445	ng Nguy n Hu nh	Nh	22/12/1997	CDTA19G	D.008
833	1510030227	ng Th Qu nh	Nh	20/07/1997	CDQT19C	D.008
834	1510010334	Th	Nh	30/06/1997	CDXN19P	D.008
835	1510010534	Th Qu nh	Nh	18/03/1997	CDXN19T	D.008
836	1510080149	Hu nh Th Ng c	Nh	06/05/1997	CDKT19G	D.008
837	1510010956	Hu nh Th Th o	Nh	01/09/1997	CDXN19B	D.008
838	1510020509	Hu nh Th T	Nh	18/12/1997	CDTA19K	D.008
839	1510010948	Kh u Th	Nh	27/04/1997	CDXN19C	D.008
840	1510080031	L c Khánh	Nh	02/05/1997	CDKT19F	D.008
841	1510080043	Lê Hu nh	Nh	13/11/1997	CDKT19F	D.011
842	1510010333	Lê Qu nh	Nh	16/08/1997	CDXN19F	D.011
843	1510030179	Lê Th Ái	Nh	04/10/1996	CDQT19D	D.011
844	1510080416	Lê Th Hu nh	Nh	29/07/1997	CDKT19E	D.011
845	1510050007	Lê Th Ph ng	Nh	02/10/1997	CDKS19D	D.011
846	1510010383	Lê Vi t	Nh	10/10/1997	C KDXK19W	D.011

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
847	1510010127	Nguy n ào Qu nh	Nh	10/05/1997	C KDXK19V	D.011
848	1410010490	Nguy n Hoàng T	Nh	17/04/1996	CDXN18G	D.011
849	1510010541	Nguy n L u Qu nh	Nh	15/12/1996	CDXN19Q	D.011
850	1510060159	Nguy n M nh Qu nh	Nh	29/09/1997	CDMA19C	D.011
851	1510080343	Nguy n Ng c Qu nh	Nh	04/08/1996	CDKT19G	D.011
852	1510030195	Nguy n Qu nh	Nh	15/07/1997	CDQT19A	D.011
853	1510010073	Nguy n Th Hu nh	Nh	25/07/1997	CDXN19K	D.011
854	1510010470	Nguy n Th Khánh	Nh	06/07/1997	C KDXK19V	D.011
855	1510080006	Nguy n Th Qu nh	Nh	07/07/1997	CDKT19E	D.011
856	1510020187	Nguy n Th Qu nh	Nh	22/06/1997	CDTA19D	D.011
857	1510010009	Nguy n Xuân Qu nh	Nh	05/03/1997	CDXN19A	D.011
858	1510080134	Ph m Th Hu nh	Nh	26/11/1997	CDKT19E	D.011
859	1510020496	Võ Th Qu nh	Nh	27/04/1997	CDTA19L	D.011
860	1510030046	ng Th H ng	Nhung	06/10/1997	CDQT19D	D.011
861	1510080237	Hoàng Th	Nhung	09/09/1997	CDKT19D	D.011
862	1510060067	Hu nh Th C m	Nhung	06/06/1997	CDMA19B	D.011
863	1510020351	Nguy n Th Ánh	Nhung	02/03/1997	CDTA19G	D.011
864	1510030231	Nguy n Th H ng	Nhung	07/02/1997	CDQT19A	D.011
865	1510030117	Phan Th H ng	Nhung	16/04/1997	CDQT19E	D.011
866	1510010164	Phan Th H ng	Nhung	05/03/1997	CDXN19S	D.011
867	1510060204	Tr n Th H ng	Nhung	29/06/1997	CDMA19D	D.011
868	1510080211	Tr n Th M	Nhung	22/08/1997	CDKT19E	D.011
869	1510020053	Võ Th H ng	Nhung	22/04/1997	CDTA19A	D.011

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
870	1510050175	Tô Minh	Nh t	26/02/1997	CDKS19D	D.011
871	1510011002	V Ng c	Nh t	26/03/1997	CDXN19R	D.011
872	1510050037	D ng Th Ni	Ni	27/08/1997	CDKS19D	D.011
873	1510080251	Nguy n Th Xuân	Ni	11/06/1997	CDKT19E	D.011
874	1510010654	Tr n Th Ki u	Ni	14/04/1997	CDXN19Q	D.011
875	1510080381	H Th	N	10/08/1997	CDKT19D	D.011
876	1510010452	Hu nh Th	N	11/11/1997	CDXN19H	D.011
877	1510030232	Ph m Th	N	24/08/1997	CDQT19B	D.011
878	1510080025	Tr nh Th M	N ng	10/01/1997	CDKT19C	D.011
879	1510010521	Bùi Th Hoàng	Oanh	02/06/1997	CDXN19K	D.011
880	1510010172	D ng Th Ki u	Oanh	12/02/1997	CDXN19L	D.011
881	1510010161	Ngô Th Hoàng	Oanh	15/08/1997	CDXN19O	D.012
882	1510030260	Nguy n Th	Oanh	04/06/1997	CDQT19A	D.012
883	1510030198	Nguy n Th	Oanh	23/04/1997	CDQT19A	D.012
884	1510011023	Nguy n Th Kim	Oanh	08/05/1996	CDXN19T	D.012
885	1510010480	Nguy n Th Kim	Oanh	16/08/1997	CDXN19M	D.012
886	1510080303	Tr n Tú	Oanh	11/08/1997	CDKT19F	D.012
887	1510010965	Tr n Quang	Phát	10/05/1997	CDXN19B	D.012
888	1510010667	Tr ng Th Vân	Phê	05/09/1997	CDXN19U	D.012
889	1510011115	Kr J n K gluyn	Phryl	25/04/1996	CDXN19A	D.012
890	1510050141	V c	Phú	24/06/1997	CDKS19C	D.012
891	1510010265	oàn Th M	Phúc	09/02/1997	CDXN19P	D.012
892	1510080178	Lê Kim	Phúc	12/07/1997	CDKT19E	D.012

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
893	1510010709	Nguy n Th	Phúc	06/12/1997	CDXN19U	D.012
894	1510060009	Nguy n Th H ng	Phúc	20/07/1997	CDMA19D	D.012
895	1510010438	Ph m Th H ng	Phúc	20/04/1997	CDXN19T	D.012
896	1510090072	Phùng Nguy n Hoàng	Phúc	27/05/1997	CDTC19A	D.012
897	1510090040	Thái H ng	Phúc	07/08/1997	CDTC19A	D.012
898	1410010262	ào Nguy n Anh	Ph ng	02/08/1995	C KDXK19V	D.012
899	1510010021	Phan Kim Ng c	Ph ng	13/06/1997	CDXN19A	D.012
900	1510010491	Tr n Phan Khánh	Ph ng	29/11/1997	CDXN19M	D.012
901	1510020551	Tr n Th Kim	Ph ng	02/01/1997	CDTA19N	D.012
902	1510010619	Tr n Th	Ph c	03/02/1997	CDXN19H	D.012
903	1510080112	Th Thanh	Ph ng	04/01/1997	CDKT19C	D.012
904	1410010385	Th Thúy	Ph ng	13/01/1996	CDXN18K	D.012
905	1510080192	oàn Th Loan	Ph ng	15/12/1997	CDKT19D	D.012
906	1510010524	H Hoàn Ng c	Ph ng	27/03/1997	CDXN19T	D.012
907	1510060032	H Th Trúc	Ph ng	12/08/1997	CDMA19A	D.012
908	1510020557	H Trúc	Ph ng	13/01/1997	CDTA19N	D.012
909	1510080009	Lâm Y n	Ph ng	30/10/1997	CDKT19E	D.012
910	1510060022	Lê Nguy n Trúc	Ph ng	18/01/1997	CDMA19A	D.012
911	1510080024	Lê Nguy n Y n	Ph ng	24/03/1997	CDKT19E	D.012
912	1510011090	Lê Th Ng c	Ph ng	30/04/1996	CDXN19M	D.012
913	1410010277	Ngô Th Bích	Ph ng	06/11/1996	CDXN18Q	D.012
914	1510010532	Nguy n Ng c Lan	Ph ng	04/05/1997	CDXN19K	D.012
915	1510070043	Nguy n Th Lý	Ph ng	07/11/1997	CDTH19	D.012



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
916	1510010708	Nguyễn Thị Thanh	Phong	24/11/1997	CDXN19Q	D.102
917	1510010784	Nguyễn Trọng Nam	Phong	29/10/1997	CDXN19E	D.102
918	1510010960	Phạm Thị Thanh	Phong	09/05/1997	CDXN19R	D.102
919	1510010882	Phạm Thị Thiên	Phong	18/02/1995	CDXN19U	D.102
920	1510020349	Phạm Thị Tuyet	Phong	19/08/1997	CDTA19G	D.102
921	1410060048	Phan Thị	Phong	12/02/1996	CDMA18C	D.102
922	1510030045	Phan Thị Trúc	Phong	17/07/1997	CDQT19B	D.102
923	1510011089	Thái Thị Trúc	Phong	20/04/1995	CDXN19U	D.102
924	1510010075	Trần Thị Hà	Phong	05/12/1997	CDXN19S	D.102
925	1510010329	Trần Thị M	Phong	05/11/1997	CDXN19L	D.102
926	1510030070	Lê Thị Hồng	Phong	02/05/1997	CDQT19C	D.102
927	1510020568	Ngô Thị Kim	Phong	10/07/1997	CDTA19N	D.102
928	1510050181	Nguyễn Thị Bích	Phong	26/08/1997	CDKS19D	D.102
929	1510020582	Phan Thị	Phong	12/05/1997	CDTA19C	D.102
930	1510020598	Àm Văn	Quân	06/04/1996	CDTA19C	D.102
931	1510020603	Nguyễn Trọng	Quân	23/10/1997	CDTA19K	D.102
932	1510030177	V Hồng	Quân	05/12/1997	CDQT19D	D.102
933	1510010901	Lê Văn	Quang	03/06/1997	CDXN19H	D.102
934	1510020076	Nguyễn Bá	Quang	21/05/1997	CDTA19B	D.102
935	1510010464	Nguyễn Ngọc	Quang	04/10/1997	CDXN19P	D.102
936	1510010289	H Thị	Quanh	20/06/1997	CDXN19F	D.102
937	1510010694	Nguyễn Phú	Quý	19/11/1997	C KDXK19W	D.102
938	1510020466	Bùi Ngọc Phong	Quyên	18/08/1997	CDTA19L	D.102

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
939	1510030035	oàn Th Phú	Quyên	29/04/1996	CDQT19D	D.102
940	1510010625	H Th Tú	Quyên	17/07/1997	CDXN19M	D.102
941	1410060250	Hu nh Th Kim	Quyên	14/01/1996	CDMA18E	D.102
942	1510080246	Ngô Th Thanh	Quyên	10/08/1997	CDKT19H	D.102
943	1510020468	Nguy n Hoàng	Quyên	06/04/1996	CDQT19E	D.102
944	1510050224	Nguy n Th	Quyên	15/04/1997	CDKS19D	D.102
945	1510080430	Nguy n Th H nh	Quyên	28/04/1996	CDKT19C	D.102
946	1510030192	Nguy n Th Kim	Quyên	12/02/1997	CDQT19D	D.102
947	1510020005	Nguy n Th Ng c	Quyên	12/02/1997	CDTA19A	D.102
948	1510011057	Nguy n Th Trúc	Quyên	11/03/1996	CDXN19T	D.102
949	1510011120	Nguy n Th Trúc	Quyên	17/06/1997	CDXN19U	D.102
950	1510010617	Ph m V Thùy	Quyên	26/09/1997	CDXN19U	D.102
951	1510020565	Phan Ng c H i	Quyên	01/06/1997	CDTA19K	D.102
952	1510080036	Tr ng Nguy n Ph ng	Quyên	15/09/1997	CDKT19A	D.102
953	1510010878	Cao Ng c H i	Qu nh	03/05/1997	CDXN19Q	D.103
954	1510090003	Mai Ph ng	Qu nh	06/12/1996	CDTC19A	D.103
955	1510020102	oàn Nguy n Th o	Qu nh	20/11/1997	CDTA19B	D.103
956	1510030216	Hu nh Th Thu	Qu nh	02/12/1997	CDQT19D	D.103
957	1510020244	Lê Th Nh	Qu nh	06/07/1997	CDTA19E	D.103
958	1510060254	Lê Th Nh	Qu nh	23/08/1997	CDMA19C	D.103
959	1510020372	Lê Th Nh	Qu nh	18/03/1997	CDTA19K	D.103
960	1510050227	Nguy n B o	Qu nh	02/07/1997	CDKS19A	D.103
961	1510011051	Nguy n Ng c Trúc	Qu nh	07/09/1997	CDXN19B	D.103

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
962	1510010665	Nguy n Th Nh	Qu nh	06/07/1997	CDXN19M	D.103
963	1510080338	Nguy n Th Nh	Qu nh	08/02/1997	CDKT19D	D.103
964	1510010023	Tr n Nguy n Di m	Qu nh	17/08/1997	CDXN19A	D.103
965	1510020248	Tr n Trúc	Qu nh	29/03/1996	CDTA19E	D.103
966	1510010982	Võ Cao	Qu nh	12/12/1997	CDXN19N	D.103
967	1510010370	Ph m Th	Sa	10/10/1997	CDXN19T	D.103
968	1510050173	Nguy n ng B u	Sang	22/05/1997	CDKS19D	D.103
969	1510010168	Nguy n Thanh	Sang	22/09/1997	CDXN19S	D.103
970	1510010961	Nguy n Th My	Sang	17/01/1997	CDXN19B	D.103
971	1510050242	Nguy n Th Thu	Sang	25/04/1997	CDKS19A	D.103
972	1510010764	Nguy n V n	Sang	20/10/1997	CDXN19F	D.103
973	1510050184	Bùi Th Kim	Sinh	07/02/1997	CDKS19D	D.103
974	1510020639	Bùi Th Thúy	Sinh	02/06/1997	CDTA19B	D.103
975	1510060201	Hà Th Ki u	Sinh	17/11/1997	CDMA19D	D.103
976	1410010232	Võ Th Ng c	Son	13/12/1996	CDXN18I	D.103
977	1510010080	Nguy n Ng c	S n	19/05/1997	CDXN19B	D.103
978	1510010406	Nguy n Thái	S n	10/11/1997	CDXN19H	D.103
979	1510010802	Nguy n Th	S n	20/04/1997	CDXN19P	D.103
980	1510050057	V H ng	S n	08/03/1997	CDKS19A	D.103
981	1510010648	H Th	S	16/07/1997	CDXN19H	D.103
982	1510080069	Bùi Th Thu	S ng	17/12/1997	CDKT19C	D.103
983	1510050093	Giang H ng	S ng	05/05/1996	CDKS19B	D.103
984	1510080407	Ph m Th Thu	S ng	15/07/1997	CDKT19A	D.103

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
985	1510050085	Tr n Th Di m	S ng	13/01/1997	CDKS19A	D.103
986	1510080155	Tr n Th Th ng	S ng	02/08/1997	CDKT19C	D.103
987	1510050180	Th	Tài	15/07/1997	CDKS19D	D.103
988	1510040008	Nguy n ng	Tài	19/08/1997	CDXD19	D.103
989	1510020530	Nguy n H u	Tài	21/10/1997	CDTA19D	D.103
990	1410060085	Tr ng T n	Tài	23/08/1996	CDMA18D	D.104
991	1510060137	ng Ph ng	Tâm	08/05/1997	CDMA19C	D.104
992	1510010565	Hoàng Anh	Tâm	07/07/1997	CDXN19L	D.104
993	1510060273	Lê Minh Thu	Tâm	13/12/1997	CDMA19A	D.104
994	1510020581	Nguy n L p Xuân	Tâm	04/02/1996	CDTA19L	D.104
995	1510030201	Nguy n Th Bích	Tâm	20/05/1997	CDQT19D	D.104
996	1410020179	Nguy n Th Minh	Tâm	18/01/1995	CDTA19M	D.104
997	1510080150	Nguy n Th Thanh	Tâm	05/04/1997	CDKT19C	D.104
998	1510080167	Võ Lê Ng c	Tâm	05/02/1997	CDKT19E	D.104
999	1510010748	Nguy n Duy	Tân	03/07/1997	CDXN19U	D.104
1000	1510060244	Nguy n Minh	Tân	05/02/1996	CDMA19A	D.104
1001	1510030108	Nguy n Ng c	T n	15/09/1997	CDQT19D	D.104
1002	1510010346	Lê V n	T o	15/08/1996	CDXN19L	D.104
1003	1510011135	Th	Ten	01/03/1992	CDXN19U	D.104
1004	1510060071	Nguy n Võ	Th ch	01/07/1994	CDMA19B	D.104
1005	1510011021	Hoàng	Thái	08/07/1997	C KDXK19W	D.104
1006	1510080085	Th H ng	Th m	08/10/1997	CDKT19G	D.104
1007	1510010750	Lê Th H ng	Th m	31/03/1997	CDXN19F	D.104
1008	1510080129	Lê Vân	Th m	05/06/1997	CDKT19B	D.104

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1009	1510010747	Nguy n Th	Th m	28/05/1997	CDXN19O	D.104
1010	1510080028	Nguy n Th H ng	Th m	25/06/1995	CDKT19A	D.104
1011	1510020486	Ph m Th H ng	Th m	16/11/1997	CDTA19N	D.104
1012	1510080158	Phan Th H ng	Th m	09/01/1996	CDKT19C	D.104
1013	1510020383	Võ Th H ng	Th m	29/01/1997	C TATM19O	D.104
1014	1510020051	Ph m Th Thúy	Th m	17/06/1997	CDTA19A	D.104
1015	1510030253	Ph m Th	Th ng	15/07/1997	CDQT19C	D.104
1016	1510010402	inh Th Ng c	Thanh	11/04/1997	CDXN19K	D.104
1017	1510011119	Th B ng	Thanh	10/02/1997	CDXN19A	D.104
1018	1510010194	Nguy n ng Kim	Thanh	09/10/1997	CDXN19D	D.104
1019	1510010989	Nguy n H u Thanh	Thanh	05/04/1996	CDXN19B	D.104
1020	1510010254	Nguy n Lê Trang	Thanh	26/09/1997	CDXN19E	D.104
1021	1510020080	Nguy n Ng c	Thanh	10/08/1995	CDTA19B	D.104
1022	1510030001	Nguy n Thanh	Thanh	19/04/1997	CDQT19D	D.104
1023	1510010431	Nguy n Th Hoài	Thanh	03/04/1996	CDXN19H	D.104
1024	1410060012	Phan B o	Thanh	27/07/1996	CDMA18E	D.104
1025	1510010208	Phan Ph m Ph ng	Thanh	28/10/1997	C KDXK19V	D.104
1026	1510010615	Võ L	Thanh	14/12/1997	CDXN19H	D.104
1027	1510020481	Võ Th Giang	Thanh	15/03/1997	CDTA19E	D.201
1028	1510020165	Lê Th	Thành	02/02/1997	CDTA19H	D.201
1029	1510080330	Nguy n Liên	Thành	14/02/1997	CDKT19A	D.201
1030	1510010186	Nguy n Tr ng	Thành	08/12/1997	CDXN19S	D.201
1031	1510010268	Tr n Phú	Thành	18/04/1997	CDXN19L	D.201
1032	1510080359	Võ Th	Thành	24/03/1996	CDKT19G	D.201
1033	1510010574	ng Th Thanh	Th o	01/01/1997	CDXN19I	D.201
1034	1510060106	ào Th Ph ng	Th o	25/12/1997	CDMA19C	D.201

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1035	1510010298	oàn Ng c Xuân	Th o	08/04/1997	C KDXK19V	D.201
1036	1510010069	D ng Th	Th o	16/04/1994	CDXN19B	D.201
1037	1410011105	Hu nh Thanh	Th o	21/09/1996	CDXN18V_CLC	D.201
1038	1510010937	Hu nh Thanh	Th o	01/05/1997	CDXN19C	D.201
1039	1510020527	Lâm Th	Th o	12/10/1997	CDTA19D	D.201
1040	1510030251	Lê Th Thanh	Th o	02/08/1997	CDQT19A	D.201
1041	1510050020	Lê Th Thanh	Th o	13/01/1997	CDKS19B	D.201
1042	1510010706	Lê Th Thu	Th o	14/06/1997	CDXN19Q	D.201
1043	1510080239	Lê Th Thu	Th o	01/01/1997	CDKT19E	D.201
1044	1510020222	L ng Th Thu	Th o	11/10/1997	CDTA19D	D.201
1045	1510010376	Ngô Nguy n Di u	Th o	27/10/1997	C KDXK19V	D.201
1046	1510080142	Ngô Th Kim	Th o	08/07/1997	CDKT19G	D.201
1047	1510010397	Ngô Th Ph ng	Th o	12/05/1996	CDXN19M	D.201
1048	1510010122	Nguy n Duy Thiên	Th o	13/08/1997	CDXN19C	D.201
1049	1510060149	Nguy n L ng Thanh	Th o	17/04/1996	CDMA19C	D.201
1050	1410010653	Nguy n Ng c	Th o	05/01/1995	CDXN18S	D.201
1051	1510010332	Nguy n Ng c Ph ng	Th o	25/01/1993	CDXN19P	D.201
1052	1510020554	Nguy n Phan Hi u	Th o	11/04/1996	CDTA19N	D.201
1053	1510080272	Nguy n Th Ng c	Th o	17/02/1997	CDKT19B	D.201
1054	1510010941	Nguy n Th Ph ng	Th o	01/09/1997	C KDXK19V	D.201
1055	1510011103	Nguy n Th Ph ng	Th o	26/10/1997	CDXN19A	D.201
1056	1510020330	Nguy n Th Thanh	Th o	20/11/1996	CDTA19F	D.201
1057	1510020474	Nguy n Th Thanh	Th o	01/12/1997	CDTA19E	D.201
1058	1510080052	Nguy n Th Thu	Th o	30/03/1997	CDKT19E	D.201
1059	1510010506	Nguy n Th Thu	Th o	19/10/1997	CDXN19K	D.201
1060	1510050174	Nguy n Th Thu	Th o	22/01/1997	CDKS19A	D.201

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1061	1510060113	Nguy n Th Thu	Th o	09/05/1997	CDMA19E	D.201
1062	1510010272	Nguy n Th Thu	Th o	17/03/1997	CDXN19L	D.201
1063	1510010699	Nguy n Th Tr ng	Th o	19/01/1996	CDXN19Q	D.201
1064	1510010183	Nguy n Thu	Th o	07/12/1997	CDXN19L	D.202
1065	1510030180	Ph m Th	Th o	02/07/1997	CDQT19D	D.202
1066	1510080196	Ph m Th Ng c	Th o	18/10/1997	CDKT19D	D.202
1067	1510030064	Ph m Th Thu	Th o	20/05/1997	CDQT19B	D.202
1068	1510090087	Ph m Th Thu	Th o	29/09/1997	CDTC19A	D.202
1069	1510070007	Phan Nguy n Th ch	Th o	26/12/1997	CDTH19	D.202
1070	1510010013	Phan Th Ph ng	Th o	20/09/1997	CDXN19K	D.202
1071	1510010927	Thái Thanh	Th o	28/11/1996	CDXN19C	D.202
1072	1510010554	Tr n Ng c	Th o	19/11/1997	CDXN19K	D.202
1073	1510060028	Tr n Ng c	Th o	30/08/1995	CDMA19A	D.202
1074	1510010549	Tr n Thanh	Th o	26/10/1997	CDXN19Q	D.202
1075	1510030254	Tr n Th Bích	Th o	18/01/1997	CDQT19E	D.202
1076	1410020283	Tr n Th Thu	Th o	09/09/1996	CDTA18G	D.202
1077	1510010514	Tr n Th Thu	Th o	25/10/1997	CDXN19K	D.202
1078	1510010957	Tr nh Th	Th o	20/08/1997	CDXN19B	D.202
1079	1510010388	Võ Th	Th o	12/04/1995	CDXN19P	D.202
1080	1510030112	Võ Th Kim	Th o	20/01/1997	CDQT19E	D.202
1081	1510011049	Võ Th Ph ng	Th o	26/06/1997	C KDXK19W	D.202
1082	1510010893	V Ph ng	Th o	12/12/1997	CDXN19U	D.202
1083	1510020350	Võ Th	Thêm	10/01/1996	CDTA19L	D.202
1084	1510080223	H Th Anh	Thi	05/12/1997	CDKT19H	D.202
1085	1510020385	Hu nh Th Kim	Thi	28/04/1997	CDTA19N	D.202
1086	1510090078	Lê Ng c	Thi	06/04/1997	CDTC19A	D.202

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA	
1087	1510030082	Ngô	ng Giang	Thi	23/10/1997	CDQT19C	D.202
1088	1510010563	Ngô	Th Anh	Thi	24/10/1997	CDXN19I	D.202
1089	1510070024	Nguy n	Th	Thi	27/08/1997	CDTH19	D.202
1090	1510020414	Nguy n	Th Hoài	Thi	06/03/1997	CDTA19G	D.202
1091	1510020159	Nguy n	Th Minh	Thi	29/09/1997	CDTA19C	D.202
1092	1510011011	Nguy n	Th Minh	Thi	29/06/1997	CDXN19B	D.202
1093	1410020521	Nguy n	Th Th	Thi	01/08/1995	CDTA18K	D.202
1094	1410020700	Nguy n	Th Y n	Thi	24/03/1996	CDTA18M	D.202
1095	1510080054	Tr n	Th Kim	Thi	07/04/1997	CDKT19E	D.202
1096	1510010159	Võ	Thanh	Thi	08/08/1997	CDXN19K	D.202
1097	1510080417	Võ	Th Kim	Thi	30/09/1996	CDKT19H	D.202
1098	1510020025	Nguy n	Th Anh	Thiên	28/02/1997	CDTA19A	D.202
1099	1410090069	Tr n	c	Thiên	08/02/1996	CDTC18B	D.202
1100	1510010077	Lý	Liên	Thi n	25/10/1994	CDXN19O	D.202
1101	1510010313	Phan	Huy Phúc	Thi n	09/06/1997	CDXN19F	D.203
1102	1410010829	T ng	T n	Thi n	16/02/1996	CDXN18P	D.203
1103	1510020185	Lê	Thiên	Th nh	16/10/1997	CDTA19D	D.203
1104	1510010505	Lê	V nh	Th nh	03/06/1997	CDXN19T	D.203
1105	1510040010	Nguy n	Hoàng Phúc	Th nh	23/11/1997	CDXD19	D.203
1106	1510080236	Nguy n	Th Xuân	Th nh	01/01/1997	CDKT19D	D.203
1107	1510020243	Nguy n	Ki u	Th	25/11/1996	CDTA19E	D.203
1108	1510080396	Nguy n	Th	Th	16/07/1997	CDKT19C	D.203
1109	1510010972	Tr n	Th Anh	Th	24/08/1997	CDXN19B	D.203
1110	1510020063	H	Th Kim	Thoa	01/02/1997	CDTA19B	D.203
1111	1510010124	Tr n	Th Bích	Thoa	08/06/1997	CDXN19O	D.203
1112	1510020340	Tr n	Th Nh	Thoa	24/12/1996	CDTA19K	D.203



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1113	1510020141	Võ Th M	Thoa	14/04/1997	CDTA19H	D.203
1114	1510020232	Nguy n Th Thu	Tho	10/06/1997	CDTA19E	D.203
1115	1510010751	Ph m Th	Tho i	13/04/1996	CDXN19O	D.203
1116	1510080039	Th H ng	Thông	04/09/1997	CDKT19C	D.203
1117	1510010309	Nguy n V n	Thông	06/05/1997	CDXN19P	D.203
1118	1510030173	Bùi Th Hoài	Thu	01/06/1997	CDQT19E	D.203
1119	1510010437	Ph ng	Thu	30/04/1996	CDXN19H	D.203
1120	1510030211	H Th C m	Thu	10/03/1997	CDQT19A	D.203
1121	1510080302	Hu nh Th C m	Thu	27/09/1997	CDKT19F	D.203
1122	1510030194	Mai Th H ng	Thu	16/07/1997	CDQT19D	D.203
1123	1510080096	Nguy n Bích Hà	Thu	04/09/1997	CDKT19C	D.203
1124	1510010639	Nguy n Hoài	Thu	06/01/1997	CDXN19H	D.203
1125	1510080249	Nguy n Th C m	Thu	16/03/1997	CDKT19H	D.203
1126	1510010669	Nguy n Th Hoài	Thu	29/09/1995	CDXN19H	D.203
1127	1410020376	Phan Th Xuân	Thu	23/02/1994	CDTA18M	D.203
1128	1510050231	V ng Thúy	Thu	20/12/1996	CDKS19D	D.203
1129	1510030222	Bùi Th Minh	Th	15/01/1997	CDQT19D	D.203
1130	1510020503	Bùi Vi t	Th	10/10/1997	CDTA19N	D.203
1131	1510010638	ng Mai Thanh	Th	25/11/1997	CDXN19H	D.203
1132	1510010609	ng Th Minh	Th	21/04/1997	CDXN19Q	D.203
1133	1510010251	ng Trang Anh	Th	12/11/1997	CDXN19P	D.203
1134	1510020092	Th H ng	Th	08/04/1997	CDTA19H	D.203
1135	1510010089	D ng Th y Anh	Th	19/09/1997	CDXN19S	D.203
1136	1410010282	L c Anh	Th	26/10/1996	CDXN18N	D.203
1137	1510080191	Lê Th Minh	Th	18/07/1997	CDKT19H	D.203
1138	1510090002	L ng Anh	Th	20/09/1997	CDTC19B	D.204

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA	
1139	1510080279	L	ng Minh	Th	21/05/1997	CDKT19B	D.204
1140	1510010162	Mai	Nguy n Anh	Th	26/09/1997	CDXN19C	D.204
1141	1510010707	Ngô	Nguy n Hoàng	Th	22/10/1996	C KDXK19V	D.204
1142	1510080336	Nguy n Lê	Th Minh	Th	09/06/1997	CDKT19F	D.204
1143	1510020045	Nguy n	Minh	Th	01/01/1997	CDTA19A	D.204
1144	1510030144	Nguy n	Th Anh	Th	01/01/1997	CDQT19C	D.204
1145	1510080312	Nguy n	Th Anh	Th	15/11/1997	CDKT19A	D.204
1146	1510011054	Nguy n	Th Minh	Th	15/09/1996	CDXN19B	D.204
1147	1510010022	Nguy n	Trang Anh	Th	15/08/1997	CDXN19A	D.204
1148	1510080027	Nguy n	V Anh	Th	10/07/1997	CDKT19E	D.204
1149	1510030202	Ph m	Nguy n Minh	Th	02/08/1997	CDQT19D	D.204
1150	1410050133	Phan	Th Anh	Th	31/10/1996	CDKS18C	D.204
1151	1510010035	Tr nh	Anh	Th	18/09/1995	CDXN19A	D.204
1152	1510020391	Ngô	Thanh	Thu n	03/10/1997	CDTA19G	D.204
1153	1510020711	Nguy n	L u Bích	Thu n	09/07/1997	CDTA19A	D.204
1154	1510010236	V ng	Hi p	Thu n	20/02/1997	CDXN19P	D.204
1155	1510030140	Bùi	Ph m Hoài	Th ng	21/02/1997	CDQT19C	D.204
1156	1410010944	Bùi	Th Hoài	Th ng	12/01/1996	CDXN18O	D.204
1157	1510080032	H	Th	Th ng	10/07/1996	CDKT19F	D.204
1158	1510030059	H	Th	Th ng	22/03/1997	CDQT19B	D.204
1159	1510010502	Hoàng	Th	Th ng	25/11/1996	CDXN19P	D.204
1160	1410020617	Lê	Th Hi n	Th ng	28/04/1995	CDTA18L	D.204
1161	1510080097	Nguy n	Th Hoài	Th ng	25/12/1997	CDKT19C	D.204
1162	1510010451	Nguy n	Th Hoài	Th ng	01/03/1997	CDXN19M	D.204
1163	1510080429	Nguy n	Th Kim	Th ng	10/05/1997	CDKT19H	D.204
1164	1510020333	Nguy n	Th Xuân	Th ng	01/01/1997	CDTA19F	D.204

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1165	1510020291	Ph m	Hoài Th ng	23/06/1997	CDTA19F	D.204
1166	1510011032	Tr n	Th Hoài Th ng	07/12/1997	CDXN19B	D.204
1167	1510080376	Tr n	Th Thu Th ng	22/06/1997	CDKT19G	D.204
1168	1510011012	Tr n	Th Anh Thuy	15/02/1997	CDXN19B	D.204
1169	1510010156	Lý	Kim Thuý	29/07/1997	CDXN19K	D.204
1170	1510010152	Phan	Th Thu Thuý	20/03/1997	CDXN19K	D.204
1171	1510030262	Nguy n	Th Thu Thu	20/12/1997	CDQT19E	D.204
1172	1410010738	Nguy n	Th Thu Thu	22/11/1996	CDXN18Q	D.204
1173	1510030229	Bùi	Th Thuý Thuý	23/05/1997	CDQT19D	D.204
1174	1510010915	Lê	Hu nh Di m Thuý	23/11/1996	CDXN19C	D.204
1175	1510080159	Nguy n	Th Thanh Thuý	25/03/1997	CDKT19C	D.301
1176	1410020560	Nguy n	Tr n Di m Thuý	12/08/1995	CDTA18K	D.301
1177	1510020664	Ph m	Th Thuý	12/10/1997	CDTA19B	D.301
1178	1510020456	T	Th Thu Thuý	03/08/1997	CDTA19E	D.301
1179	1410020067	Bùi	Th Minh Thùy	06/10/1996	CDTA18H	D.301
1180	1510020411	Hu nh	Th Thùy	03/05/1997	CDTA19H	D.301
1181	1510080014	Nguy n	Th Thanh Thùy	17/09/1997	CDKT19C	D.301
1182	1510020084	Tr n	Th Thùy	10/02/1997	CDTA19H	D.301
1183	1510020242	V Anh	Ph ng Thùy	11/05/1997	CDTA19E	D.301
1184	1510010944	Bùi	Th Bích Th y	06/11/1997	CDXN19N	D.301
1185	1510020561	Bùi	Th Minh Th y	06/05/1997	CDTA19C	D.301
1186	1510050236	ào	Th L Th y	04/03/1997	CDKS19D	D.301
1187	1510060046	oàn	Th Bích Th y	12/05/1997	CDMA19D	D.301
1188	1510010775	L i	Th Thu Th y	28/01/1997	CDXN19N	D.301
1189	1510080132	Lê	Th Bích Th y	27/11/1996	CDKT19C	D.301
1190	1510060299	Ngô	Th Thanh Th y	21/06/1995	CDMA19B	D.301

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1191	1510080263	Nguy n Th Ng c	Th y	25/12/1997	CDKT19A	D.301
1192	1510050206	Nguy n Thu	Th y	28/07/1997	CDKS19D	D.301
1193	1410060046	Phan Th Thu	Th y	15/10/1996	CDMA18B	D.301
1194	1510080171	Tr n Th Thanh	Th y	26/01/1997	CDKT19D	D.301
1195	1510020516	Nguy n Th Thu	Thuy n	09/11/1997	CDTA19N	D.301
1196	1510020532	Hu nh Thanh	Thy	10/06/1997	CDTA19N	D.301
1197	1510020425	L ng B o	Thy	02/02/1997	CDTA19G	D.301
1198	1510080382	Nguy n Th y Mai	Thy	25/10/1997	CDKT19E	D.301
1199	1510090089	Phan Vĩ Thanh	Thy	21/10/1997	CDTC19B	D.301
1200	1510080318	Nguy n Thùy	Tiên	22/06/1997	CDKT19D	D.301
1201	1510080368	H Th y	Tiên	05/10/1997	CDKT19A	D.301
1202	1510010583	Hoàng Th Th y	Tiên	09/06/1997	CDXN19I	D.301
1203	1510020359	Hu nh C m	Tiên	26/02/1997	CDTA19G	D.301
1204	1510030131	Lê Th Th y	Tiên	24/11/1997	CDQT19E	D.301
1205	1510080086	Lê Th Th y	Tiên	1997	CDKT19G	D.301
1206	1510010465	Lê V Ki u	Tiên	25/12/1997	CDXN19I	D.301
1207	1510050197	Mai Th C m	Tiên	24/05/1997	CDKS19D	D.301
1208	1510030238	Nguy n Ng c Th y	Tiên	11/10/1997	CDQT19E	D.301
1209	1510050179	Nguy n Th C m	Tiên	19/10/1997	CDKS19D	D.301
1210	1510020397	Nguy n Th C m	Tiên	20/05/1996	CDTA19H	D.301
1211	1510080185	Nguy n Th C m	Tiên	29/07/1996	CDKT19H	D.301
1212	1510010070	Nguy n Th C m	Tiên	11/01/1997	CDXN19B	D.302
1213	1510080400	Nguy n V C m	Tiên	12/09/1996	CDKT19H	D.302
1214	1510010393	Nguy n V ng Mai	Tiên	29/09/1996	CDXN19M	D.302
1215	1510060152	Thái Th y	Tiên	29/07/1997	CDMA19C	D.302
1216	1510020208	Tr n Ng c Th y	Tiên	20/03/1997	CDTA19D	D.302

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1217	1510010479	Tr n Th	Tiên	22/09/1997	CDXN19M	D.302
1218	1510010424	Tr n Th Th y	Tiên	24/04/1994	CDXN19H	D.302
1219	1510010845	Tr ng Th Ki u	Tiên	31/03/1997	CDXN19D	D.302
1220	1510060228	Tr ng Th y	Tiên	14/11/1997	CDMA19A	D.302
1221	1510020100	Võ Th y	Tiên	20/10/1996	CDTA19B	D.302
1222	1510010710	ng Ng c	Ti n	05/11/1997	CDXN19F	D.302
1223	1410030314	ng V n	Ti n	16/10/1996	CDQT18F	D.302
1224	1510010002	Ngô Qu c	Ti n	07/05/1997	CDXN19S	D.302
1225	1510011076	Nguy n V n	Ti n	24/12/1996	CDXN19M	D.302
1226	1510030101	Ph m Tr n V nh	Ti n	25/02/1997	CDQT19D	D.302
1227	1510011036	Phan Lê Minh	Ti n	05/07/1997	CDXN19T	D.302
1228	1510060135	Tr ng Quang	Ti n	06/05/1996	CDMA19E	D.302
1229	1410010818	T Anh	Ti n	18/12/1996	CDXN18P	D.302
1230	1510080136	ào Th M ng	Ti n	24/12/1997	CDKT19G	D.302
1231	1510010897	Ph m Tr ng	Tín	20/01/1997	CDXN19S	D.302
1232	1510060265	Hu nh Minh	Tính	23/01/1997	CDMA19A	D.302
1233	1510050146	Nguy n c	Tính	21/08/1995	CDKS19C	D.302
1234	1510010320	Nguy n Th	Tình	19/02/1997	CDXN19L	D.302
1235	1410010347	Nguy n Th Xuân	Tình	08/10/1996	CDXN18O	D.302
1236	1510050090	Nguy n Lê Qu c	Toàn	06/02/1997	CDKS19A	D.302
1237	1410090064	Tr n Th Thanh	Trà	01/12/1996	CDTC18B	D.302
1238	1510020489	ng Ki u	Trâm	23/09/1997	CDTA19E	D.302
1239	1510010705	ng Th Ng c	Trâm	28/05/1997	CDXN19U	D.302
1240	1510020529	inh Th Bích	Trâm	02/04/1997	CDTA19D	D.302
1241	1510010330	H Th Kim	Trâm	08/08/1996	CDXN19T	D.302
1242	1510010728	H a Di p B o	Trâm	26/10/1997	CDXN19F	D.302

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1243	1510010958	Hu nh Th B o	Trâm	22/03/1997	C KDXK19W	D.302
1244	1510080339	Hu nh Th Bích	Trâm	01/01/1997	CDKT19E	D.302
1245	1510050178	Hu nh Th Thúy	Trâm	10/12/1997	CDKS19D	D.302
1246	1510080130	Lê Th Bích	Trâm	20/12/1997	CDKT19G	D.302
1247	1510020595	Lê Th Minh	Trâm	18/05/1997	CDTA19C	D.302
1248	1510060014	Ngô Hu nh	Trâm	18/12/1997	CDMA19A	D.302
1249	1510020363	Ngô Th o Vy	Trâm	06/03/1997	CDTA19K	D.303
1250	1510010235	Nguy n Bích	Trâm	15/01/1997	CDXN19P	D.303
1251	1510010010	Nguy n Ng c	Trâm	13/12/1997	CDXN19S	D.303
1252	1510010083	Nguy n Thanh	Trâm	20/08/1997	CDXN19B	D.303
1253	1510080034	Nguy n Th Bích	Trâm	25/04/1997	CDKT19A	D.303
1254	1510080227	Nguy n Th Huy n	Trâm	16/02/1997	CDKT19D	D.303
1255	1510050210	Nguy n Th Ng c	Trâm	29/12/1997	CDKS19D	D.303
1256	1510010248	Nguy n Th Trúc	Trâm	19/05/1996	CDXN19E	D.303
1257	1510020231	Nguy n Thiên	Trâm	19/01/1997	CDTA19E	D.303
1258	1510020576	Nguy n V ng B o	Trâm	27/10/1997	CDTA19B	D.303
1259	1510050205	Phan Th Ng c	Trâm	10/07/1997	CDKS19D	D.303
1260	1510030185	Tr n Th	Trâm	04/04/1997	CDQT19D	D.303
1261	1510020114	Tr n Th Ng c	Trâm	10/07/1996	CDTA19H	D.303
1262	1510080076	Tr n Th Thanh	Trâm	20/07/1996	CDKT19C	D.303
1263	1510010551	Võ Hoàng Qu	Trâm	29/04/1997	CDXN19I	D.303
1264	1510010664	Võ Huy n Bích	Trâm	24/01/1997	CDXN19H	D.303
1265	1510010819	Võ N Hoài	Trâm	01/06/1997	CDXN19E	D.303
1266	1510020629	Võ Th Ng c	Trâm	23/04/1997	CDTA19B	D.303
1267	1510010753	Võ Th Thúy	Trâm	01/09/1997	CDXN19F	D.303
1268	1510010742	Hu nh Phan B o	Trâm	24/09/1997	CDXN19O	D.303

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1269	1510060036	Hu nh Th Huy n	Trân	02/06/1997	CDMA19B	D.303
1270	1510090022	Lê Ng c Huy n	Trân	07/08/1996	CDTC19B	D.303
1271	1510010539	Lê Th B o	Trân	07/08/1997	CDXN19T	D.303
1272	1510050196	Nguy n Ng c Huy n	Trân	09/11/1997	CDKS19D	D.303
1273	1510030220	Nguy n Th M	Trân	22/01/1997	CDQT19D	D.303
1274	1510050109	Nguy n Th Ng c	Trân	01/10/1997	CDKS19A	D.303
1275	1510080143	Nguy n Th Ng c	Trân	19/08/1997	CDKT19G	D.303
1276	1410090039	Ph m Thái Huy n	Trân	19/01/1996	CDTC18A	D.303
1277	1410011084	T Th Huy n	Trân	15/08/1996	CDXN18A	D.303
1278	1510080383	Thái M	Trân	04/08/1997	CDKT19D	D.303
1279	1510080274	Thái Th Huy n	Trân	15/08/1997	CDKT19A	D.303
1280	1510010384	Tr n B o	Trân	21/07/1997	CDXN19G	D.303
1281	1510010404	Tr n Th B o	Trân	14/12/1996	C KDXK19V	D.303
1282	1410060114	Tr ng Thúy	Trân	11/04/1994	CDMA18C	D.303
1283	1510011020	Bùi Th	Trang	19/08/1997	CDXN19R	D.303
1284	1510010228	Bùi Th B ng	Trang	12/03/1997	CDXN19L	D.303
1285	1510020700	Bùi Th Qu nh	Trang	23/02/1997	CDTA19A	D.303
1286	1510010044	Bùi Th Thu	Trang	02/12/1997	CDXN19A	D.304
1287	1510010998	Bùi Th Thu	Trang	05/04/1997	CDXN19R	D.304
1288	1510080262	Bùi Th Thùy	Trang	10/05/1996	CDKT19A	D.304
1289	1510050063	Bùi Th Thùy	Trang	27/04/1997	CDKS19B	D.304
1290	1510020019	oàn Th Minh	Trang	28/04/1997	CDTA19H	D.304
1291	1510010906	H Th	Trang	06/07/1996	CDXN19S	D.304
1292	1510010695	H a Duy Di m	Trang	29/10/1991	CDXN19R	D.304
1293	1410050084	Hu nh Ng c Thu	Trang	14/03/1995	CDKS18B	D.304
1294	1410010991	Lê Th Huy n	Trang	05/05/1996	CDXN18K	D.304

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1295	1510060177	Lê Th Thu	Trang	25/08/1997	CDMA19D	D.304
1296	1510030246	Nguy n Th	Trang	06/05/1995	CDQT19E	D.304
1297	1510050213	Nguy n Th	Trang	15/03/1996	CDKS19D	D.304
1298	1510010714	Nguy n Th	Trang	19/12/1997	CDXN19U	D.304
1299	1510010323	Nguy n Th	Trang	30/10/1997	CDXN19L	D.304
1300	1510060186	Nguy n Th Huy n	Trang	13/01/1997	CDMA19D	D.304
1301	1510080408	Nguy n Th Ki u	Trang	25/12/1995	CDKT19C	D.304
1302	1510011075	Nguy n Th Ng c	Trang	21/01/1997	CDXN19U	D.304
1303	1510010601	Nguy n Th Sang	Trang	23/02/1996	CDXN19Q	D.304
1304	1510010337	Nguy n Th Thu	Trang	16/04/1996	CDXN19G	D.304
1305	1510050130	Nguy n Th Thùy	Trang	17/12/1997	CDKS19A	D.304
1306	1510030171	Nguy n Th Thùy	Trang	16/11/1997	CDQT19A	D.304
1307	1510020072	Nguy n Th Thùy	Trang	09/10/1997	CDTA19B	D.304
1308	1510080258	Nguy n Th Thùy	Trang	10/12/1997	CDKT19H	D.304
1309	1510080348	Nguy n Th Thùy	Trang	20/02/1997	CDKT19E	D.304
1310	1510020601	Nguy n Thùy	Trang	16/04/1997	CDTA19N	D.304
1311	1510030218	Nguy n Thùy	Trang	24/03/1997	CDQT19D	D.304
1312	1510010241	Ph m Huy n	Trang	15/07/1997	CDXN19E	D.304
1313	1510030020	Ph m Th	Trang	10/05/1996	CDQT19C	D.304
1314	1510060084	Ph m Th Ki u	Trang	24/09/1997	CDMA19C	D.304
1315	1510080160	Phan Th Hà	Trang	05/10/1997	CDKT19G	D.304
1316	1510010125	Phan Th Huy n	Trang	07/04/1997	CDXN19C	D.304
1317	1410011001	T Ng c Ph ng	Trang	04/03/1996	CDXN18S	D.304
1318	1510050192	Tô V Th M	Trang	19/06/1997	CDKS19D	D.304
1319	1510080432	Tr n Th Hà	Trang	16/11/1997	CDKT19E	D.304
1320	1510010804	Tr n Th Huy n	Trang	06/11/1996	CDXN19E	D.304



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1321	1510060119	Tr n Th Ki u	Trang	20/12/1997	CDMA19C	D.304
1322	1510090086	Tr n Th Qu nh	Trang	16/11/1997	CDTC19A	D.304
1323	1510080089	Tr n Th Thu	Trang	08/04/1997	CDKT19C	D.401
1324	1410010430	Tr n Th Thu	Trang	10/04/1996	CDXN18H	D.401
1325	1510060123	Tr n Th Thùy	Trang	17/11/1997	CDMA19D	D.401
1326	1510020718	Tr n Th Xuân	Trang	01/06/1997	CDTA19A	D.401
1327	1510050050	Tr nh Huy n	Trang	26/06/1997	CDKS19A	D.401
1328	1510030063	Võ ài	Trang	19/05/1997	CDQT19C	D.401
1329	1510080275	Võ Th Huy n	Trang	17/08/1997	CDKT19H	D.401
1330	1510010676	V Thanh	Trang	16/10/1997	CDXN19F	D.401
1331	1510011088	V ng Thùy	Trang	17/11/1997	CDXN19M	D.401
1332	1410030122	Nguy n Hoàng	Tri t	04/04/1996	CDQT18A	D.401
1333	1510010516	ng Th M	Trinh	01/05/1997	CDXN19I	D.401
1334	1510010097	ào Th Kim	Trinh	03/10/1996	CDXN19K	D.401
1335	1410050155	ào Th M	Trinh	16/04/1996	CDKS18C	D.401
1336	1510010047	D ng Th Tú	Trinh	02/12/1997	CDXN19K	D.401
1337	1410050139	Hoàng Ng c Vi t	Trinh	22/11/1996	CDKS18C	D.401
1338	1510030292	Hu nh Th Ng c	Trinh	26/11/1997	CDXN19A	D.401
1339	1510020196	Hu nh Th Nh t	Trinh	02/02/1996	C TATM19O	D.401
1340	1510030272	Hu nh Th Ph ng	Trinh	21/11/1997	CDQT19C	D.401
1341	1410080294	Hu nh Th Th o	Trinh	07/09/1996	CDKT18F	D.401
1342	1510010317	Hu nh Th Y n	Trinh	23/05/1997	CDXN19L	D.401
1343	1510060184	Lâm Tuy t	Trinh	13/05/1997	CDMA19A	D.401
1344	1510060240	Lê Th Ng c	Trinh	20/11/1997	CDMA19E	D.401
1345	1510010589	Lê Th Thu	Trinh	24/10/1997	C KDXK19W	D.401
1346	1510050202	Lê Th Tuy t	Trinh	28/11/1997	CDKS19D	D.401

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA	
1347	1410010275	Lê Th V	Tú	Trinh	27/05/1996	CDXN18Q	D.401
1348	1510080001	L ng Th	Tuy t	Trinh	10/03/1997	CDKT19A	D.401
1349	1510050018	Mai Hoàng	Lam	Trinh	10/07/1997	CDKS19B	D.401
1350	1410010315	Nguy n Th	Bích	Trinh	20/07/1995	CDXN18Q	D.401
1351	1510030077	Nguy n Th	Di m	Trinh	14/10/1997	CDQT19B	D.401
1352	1510020728	Nguy n Th	Hoàng	Trinh	23/02/1997	CDTA19A	D.401
1353	1510010058	Nguy n Th	M ng	Trinh	16/05/1997	C KDXK19W	D.401
1354	1510020511	Nguy n Th	Th o	Trinh	08/01/1997	CDTA19N	D.401
1355	1510010535	Nguy n Th	Y n	Trinh	07/03/1997	CDXN19I	D.401
1356	1510080386	Tô Th	Tuy t	Trinh	25/08/1997	CDKT19G	D.401
1357	1510011073	Tr n Th	Mai	Trinh	16/03/1997	CDXN19A	D.401
1358	1510020284	Tr n Th	Ph ng	Trinh	23/09/1997	CDTA19F	D.401
1359	1510080222	Võ	Mai	Trinh	29/06/1997	CDKT19B	D.401
1360	1510070044	T	Ng c	Trinh	17/06/1996	CDTH19	D.402
1361	1510030223	ng	Ng c	Tr ng	12/06/1997	CDQT19D	D.402
1362	1510020389	ào Lê	Thanh	Trúc	17/09/1997	CDTA19G	D.402
1363	1510010098	Lâm Th	Ki u	Trúc	01/02/1997	CDXN19K	D.402
1364	1510010360	Ngô Th	Thanh	Trúc	27/05/1997	CDXN19P	D.402
1365	1510080107	Nguy n Th		Trúc	06/12/1997	CDKT19C	D.402
1366	1510020017	Nguy n Th	Thanh	Trúc	25/03/1997	CDTA19H	D.402
1367	1510020065	Nguy n Tr n	Thanh	Trúc	01/01/1997	CDTA19H	D.402
1368	1510080219	Tr n Th	Thu	Trúc	25/01/1997	CDKT19D	D.402
1369	1510010422	Tr n V	Xuân	Trúc	04/04/1996	CDXN19T	D.402
1370	1510010647	Nguy n Th	H ng	Tr ng	02/05/1995	CDXN19H	D.402
1371	1510030226	Tr n V	n	Tr ng	03/06/1993	CDQT19D	D.402
1372	1510050237	D ng Th	Thanh	Tú	29/06/1997	CDKS19D	D.402

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1373	1510010566	Hoàng Th C m	Tú	14/05/1997	CDXN19T	D.402
1374	1510050132	Hu nh C m	Tú	10/06/1996	CDKS19C	D.402
1375	1510060187	Hu nh Th C m	Tú	16/08/1997	CDMA19D	D.402
1376	1510010066	Lê Th C m	Tú	16/10/1997	C KDXK19W	D.402
1377	1510050082	Lê Th C m	Tú	24/05/1997	CDKS19B	D.402
1378	1510010779	Nguy n Th C m	Tú	01/01/1997	CDXN19F	D.402
1379	1510010886	Nguy n Th D c	Tú	19/06/1997	CDXN19N	D.402
1380	1510080347	Tr ng Th Minh	Tú	22/11/1997	CDKT19G	D.402
1381	1510030168	Nguy n Th	T	02/06/1997	CDQT19A	D.402
1382	1410010390	Ph m Tr ng Anh	Tu n	13/07/1995	CDXN18O	D.402
1383	1510010275	Nguy n Thanh	Tùng	08/07/1997	CDXN19L	D.402
1384	1510011041	Bùi ng H ng	T i	05/03/1997	CDXN19B	D.402
1385	1510011121	Lê Th H ng	T i	17/11/1995	CDXN19R	D.402
1386	1510020070	Nguy n Di m	Tuyên	20/09/1997	CDTA19B	D.402
1387	1510080353	Th Minh	Tuy n	05/11/1997	CDKT19A	D.402
1388	1510030012	Lê Th Kim	Tuy n	06/06/1997	CDQT19C	D.402
1389	1510050135	Lê Th Kim	Tuy n	17/02/1997	CDKS19A	D.402
1390	1510030215	Nguy n Th	Tuy n	09/05/1997	CDQT19A	D.402
1391	1510010004	Tr n Th Kim	Tuy n	05/01/1997	CDXN19A	D.402
1392	1510020567	B Th Ng c	Tuy n	22/05/1997	CDTA19B	D.402
1393	1510010365	Di p Th Ph ng	Tuy n	17/04/1997	CDXN19G	D.402
1394	1410050174	Hoàng Th Thanh	Tuy n	19/12/1994	CDKS18C	D.402
1395	1510010403	Hu nh Th Thanh	Tuy n	19/12/1997	CDXN19P	D.402
1396	1510080333	Lê Th Bích	Tuy n	20/06/1997	CDKT19D	D.402
1397	1510010795	Lê Th Thanh	Tuy n	28/12/1997	CDXN19N	D.403
1398	1510060183	Ngô Th Thanh	Tuy n	10/08/1996	CDMA19D	D.403

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1399	1510010096	Nguy n Hu nh Th Kim	Tuy n	09/07/1997	CDXN19O	D.403
1400	1510050026	Nguy n Ng c	Tuy n	04/03/1997	CDKS19B	D.403
1401	1510030148	Nguy n Th Kim	Tuy n	17/09/1997	CDQT19E	D.403
1402	1510020369	Nguy n Th Thanh	Tuy n	14/04/1997	CDTA19K	D.403
1403	1510080366	Nh n Th Thanh	Tuy n	19/10/1997	CDKT19G	D.403
1404	1510010590	Phan Nguy n Ng c	Tuy n	13/02/1997	CDXN19T	D.403
1405	1510010205	Thái Ng c	Tuy n	20/03/1997	C KDXK19W	D.403
1406	1510010538	Thân Th Minh	Tuy n	07/09/1997	CDXN19I	D.403
1407	1510030076	Tr n Th B i	Tuy n	10/09/1997	CDQT19C	D.403
1408	1510030087	Tr n Th Kim	Tuy n	22/04/1997	CDQT19E	D.403
1409	1510010641	Tr n Th Minh	Tuy n	25/02/1997	CDXN19U	D.403
1410	1510020462	Tr n Th Thanh	Tuy n	10/05/1994	CDTA19E	D.403
1411	1510030055	Tr ng Th Thanh	Tuy n	10/07/1997	CDQT19D	D.403
1412	1510010299	Võ Thanh	Tuy n	31/08/1997	CDXN19T	D.403
1413	1510011066	ng Th Ng c	Tuy t	10/10/1996	CDXN19R	D.403
1414	1510010610	Hu nh Th Ánh	Tuy t	28/07/1997	CDXN19H	D.403
1415	1510080008	Lâm Y n	Tuy t	30/10/1997	CDKT19F	D.403
1416	1510050235	L ng Th	Tuy t	04/05/1997	CDKS19D	D.403
1417	1510020142	L ng Th L	Tuy t	01/03/1997	CDTA19C	D.403
1418	1510030085	Nguy n Th Ánh	Tuy t	06/08/1997	CDQT19B	D.403
1419	1510010157	Nguy n Th Thu	Tuy t	27/07/1997	CDXN19C	D.403
1420	1410010912	Ph m Th	Tuy t	14/09/1996	CDXN18R	D.403
1421	1510030067	Quách Th Ng c	Tuy t	04/04/1997	CDQT19B	D.403
1422	1510010785	Tr n Ng c	Tuy t	05/12/1997	CDXN19N	D.403
1423	1510060294	Hoàng Th	Út	20/09/1997	CDMA19C	D.403
1424	1510060005	Cao Th y Vy	Uyên	13/06/1997	CDMA19A	D.403

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1425	1510080053	Lê Nguy n Ph ng	Uyên	13/10/1997	CDKT19C	D.403
1426	1510010007	Lê V n Th c	Uyên	25/09/1997	CDXN19A	D.403
1427	1510010797	Nguy n Hoàng	Uyên	10/09/1997	CDXN19E	D.403
1428	1510010991	Nguy n Ng c Nhã	Uyên	17/04/1997	CDXN19R	D.403
1429	1510080145	Nguy n Ng c Ph ng	Uyên	22/10/1997	CDKT19B	D.403
1430	1510011048	Nguy n Ng c Uyên	Uyên	12/11/1997	CDXN19B	D.403
1431	1410010432	Nguy n Ph ng	Uyên	08/12/1996	CDXN18H	D.403
1432	1510020605	Nguy n Th H i	Uyên	01/01/1996	CDTA19K	D.403
1433	1510080225	Nguy n Th H ng	Uyên	09/10/1997	CDKT19H	D.403
1434	1510011010	Nguy n Th T	Uyên	16/02/1997	CDXN19B	D.404
1435	1510080265	Ph m Hu nh Ng c	Uyên	22/10/1997	CDKT19H	D.404
1436	1510020526	Tr n Hoàng Ph ng	Uyên	29/09/1997	CDTA19C	D.404
1437	1510020712	Tr n Th Thúy	Uyên	26/12/1996	CDTA19N	D.404
1438	1510020615	Tr n Thu	Uyên	14/01/1997	CDTA19B	D.404
1439	1510010847	Võ Ph ng	Uyên	03/03/1997	CDXN19N	D.404
1440	1510010768	Võ Th Th o	Uyên	06/02/1997	CDXN19F	D.404
1441	1510010453	Th Bích	Vân	05/01/1997	C KDXK19V	D.404
1442	1510020677	H u Gia	Vân	18/06/1997	CDTA19N	D.404
1443	1510010607	Hu nh Ái	Vân	02/03/1997	CDMA19A	D.404
1444	1510080023	Lâm Bích	Vân	09/02/1997	CDKT19A	D.404
1445	1510010063	Lê Th Khánh	Vân	31/07/1997	CDXN19O	D.404
1446	1510020733	Lý M	Vân	13/12/1996	CDTA19N	D.404
1447	1510030119	Nguy n H ng	Vân	12/06/1997	CDQT19C	D.404
1448	1510010818	Nguy n Ph ng	Vân	24/12/1997	CDXN19E	D.404
1449	1510020193	Nguy n Th B ch	Vân	30/07/1997	CDTA19L	D.404
1450	1510080313	Nguy n Th C m	Vân	11/03/1996	CDKT19A	D.404

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1451	1510010581	Nguy n Th Thanh	Vân	02/05/1996	CDXN19H	D.404
1452	1510010352	Nguy n Th Thùy	Vân	21/09/1997	CDXN19G	D.404
1453	1510020479	Nguy n Th T ng	Vân	06/09/1997	CDTA19E	D.404
1454	1510010239	Nguy n Thùy	Vân	25/05/1997	CDXN19E	D.404
1455	1510010413	Ph m Ng c	Vân	17/12/1997	CDXN19P	D.404
1456	1510080157	Ph m Th H ng	Vân	19/12/1997	CDKT19C	D.404
1457	1510010973	Phan Th H ng	Vân	08/02/1997	CDXN19R	D.404
1458	1510080122	Tr n Nguy n T ng	Vân	01/10/1996	CDKT19B	D.404
1459	1510010963	Tr n Th Bích	Vân	10/01/1997	CDXN19S	D.404
1460	1510010473	Tr n Th H ng	Vân	10/05/1997	C KDXK19V	D.404
1461	1510080268	Tr n Th Thu	Vân	20/01/1997	CDKT19E	D.404
1462	1510080351	Tr ng Hu nh Khánh	Vân	11/10/1997	CDKT19D	D.404
1463	1510040006	Tr ng Minh	Vân	28/05/1997	CDXD19	D.404
1464	1510010442	Võ Th	Vân	01/06/1996	CDXN19P	D.404
1465	1510010596	Võ Th Thùy	Vân	04/07/1997	CDXN19H	D.404
1466	1510010111	Lê Th C m	Vang	30/07/1997	CDXN19K	D.404
1467	1510010025	Bùi Lê	Vi	05/03/1996	CDXN19A	D.404
1468	1510020525	ng Y n	Vi	20/07/1997	CDTA19N	D.404
1469	1510020408	ào V ng B o	Vi	20/07/1997	CDTA19H	D.404
1470	1510020484	H Th Thanh	Vi	01/01/1996	CDTA19I	D.404
1471	1510010363	Hoàng Th Thùy	Vi	24/10/1997	CDXN19P	D.503
1472	1510010226	Lê Ái	Vi	03/06/1997	CDXN19L	D.503
1473	1510010733	Lê Th Huy n	Vi	08/10/1997	CDXN19U	D.503
1474	1510011105	Nguy n Th Hoài	Vi	12/04/1997	CDXN19U	D.503
1475	1510020668	Nguy n Th Thúy	Vi	05/11/1997	CDTA19B	D.503
1476	1510050218	Nguy n Th Thúy	Vi	02/11/1995	CDQT19D	D.503

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1477	1510020332	Phan Thúy	Vi	12/09/1997	CDTA19I	D.503
1478	1510020432	Tô Ánh	Vi	23/05/1997	CDTA19G	D.503
1479	1510050185	Tr n Ph ng	V	29/07/1997	CDKS19D	D.503
1480	1510090025	Mai Th Ng c	Viên	20/11/1997	CDTC19B	D.503
1481	1510010185	Ngô Th Bích	Viên	01/12/1997	CDXN19S	D.503
1482	1510060269	Cao Th	Vóc	24/05/1997	CDMA19B	D.503
1483	1510060301	Nguy n L u Tu n	V	25/09/1997	CDMA19E	D.503
1484	1510080179	Tr n i	V	08/07/1997	CDKT19B	D.503
1485	1510010263	B ch Xuân	Vui	24/11/1997	CDXN19T	D.503
1486	1510080423	Ph m Á	V ng	25/07/1997	CDKT19A	D.503
1487	1410030215	T	V ng	28/09/1996	CDQT18D	D.503
1488	1510080133	inh Th o	Vy	28/02/1997	CDKT19C	D.503
1489	1510010014	Lê Th Lan	Vy	09/11/1997	CDXN19O	D.503
1490	1510050187	Ngô Thúy	Vy	18/01/1997	CDKS19D	D.503
1491	1510060061	Nguy n Di u Hi n	Vy	10/03/1997	CDMA19C	D.503
1492	1510080109	Nguy n T ng	Vy	14/12/1997	CDKT19B	D.503
1493	1510010560	Nguy n Lê Th o	Vy	09/08/1997	CDXN19H	D.503
1494	1410050090	Nguy n Th Thanh	Vy	30/04/1996	CDKS18B	D.503
1495	1510060199	Nguy n Th Thanh	Vy	01/03/1997	CDMA19D	D.503
1496	1510050232	Nguy n Th Th o	Vy	17/04/1997	CDKS19D	D.503
1497	1510090039	Ph m Ng c Th o	Vy	30/01/1997	CDTC19A	D.503
1498	1510020066	Ph m Th Thúy	Vy	19/07/1997	CDTA19H	D.503
1499	1510050059	Phan Hanh Thúy	Vy	06/03/1997	CDKS19A	D.503
1500	1510020148	Tô T ng	Vy	04/09/1997	CDTA19C	D.503
1501	1510010176	Tr n Th Ái T ng	Vy	19/12/1997	CDXN19P	D.503
1502	1510020149	Tr n Th T ng	Vy	08/01/1997	CDTA19C	D.503

SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1503	1510010776	Lý Thanh Tri u	V	08/05/1997	CDXN19N	D.503
1504	1510020501	Nguy n Th	X a	02/01/1997	CDTA19E	D.503
1505	1510010870	Thanh	Xuân	03/07/1997	CDXN19Q	D.503
1506	1510020296	ng Th Thu	Xuân	25/02/1997	CDTA19F	D.503
1507	1510010266	Ngô Giáng H ng	Xuân	11/04/1997	CDXN19E	D.503
1508	1510020580	Nguy n Th Thanh	Xuân	10/04/1997	CDTA19B	D.504
1509	1510011101	Nguy n Th Thu	Xuân	25/04/1997	CDXN19A	D.504
1510	1410020687	Ph m Th	Xuân	23/12/1996	CDTA18M	D.504
1511	1510030094	Tr n V Ph ng	Y	11/02/1997	CDXN19I	D.504
1512	1510010900	ào M ng Nh	Ý	30/05/1997	CDXN19N	D.504
1513	1510010143	Lê Th Ng c	Ý	06/12/1997	CDXN19K	D.504
1514	1510080170	Nguy n Th Nh	Ý	16/04/1997	CDKT19H	D.504
1515	1510080005	Phùng Lê Nh	Ý	24/04/1997	CDKT19A	D.504
1516	1510050221	Tr n Th Nh	Ý	20/06/1997	CDKS19A	D.504
1517	1510020342	Võ Th M	Ý	21/11/1997	CDTA19K	D.504
1518	1510060041	oàn Th B o	Yên	11/11/1997	CDMA19D	D.504
1519	1510030221	Nguy n Th Kim	Yên	12/04/1997	CDQT19D	D.504
1520	1510070021	Cao Th Thu	Y n	24/11/1997	CDTH19	D.504
1521	1510020693	ng Th Kim	Y n	15/02/1996	CDTA19N	D.504
1522	1510080306	inh Xuân Kim	Y n	09/02/1997	CDKT19F	D.504
1523	1510010517	Hu nh Th Kim	Y n	19/08/1997	CDXN19I	D.504
1524	1510050163	Lê H i	Y n	05/12/1997	CDKS19C	D.504
1525	1510010249	Ngô H i	Y n	01/05/1997	CDXN19P	D.504
1526	1510080331	Nguy n Ng c	Y n	23/11/1997	CDKT19D	D.504
1527	1510030178	Nguy n Th	Y n	12/11/1997	CDQT19D	D.504
1528	1510010321	Nguy n Th	Y n	10/01/1997	CDXN19F	D.504



SBD	MSSV	H	TÊN	NGÀY SINH	L P	PHÒNG KI M TRA
1529	1510030188	Nguy n Th H ng	Y n	21/04/1997	CDQT19D	D.504
1530	1510030166	Nguy n Th Ng c	Y n	04/11/1997	CDMA19A	D.504
1531	1510050031	Nguy n Th Ng c	Y n	07/07/1997	CDKS19B	D.504
1532	1510080038	Nguy n Th Ng c	Y n	05/12/1997	CDKT19C	D.504
1533	1510011094	Nguy n Th Phi	Y n	10/02/1996	CDXN19R	D.504
1534	1510010428	Ph m Hoàng	Y n	31/08/1997	CDXN19M	D.504
1535	1510080184	Ph m Th Ng c	Y n	22/06/1997	CDKT19H	D.504
1536	1510080315	Phan Th Hoàng	Y n	03/03/1997	CDKT19A	D.504
1537	1510030256	Tô M	Y n	14/01/1997	CDQT19E	D.504
1538	1510020216	Tô Th M	Y n	19/03/1997	CDTA19I	D.504
1539	1510010599	Tr n Hoàng H i	Y n	22/06/1997	CDXN19L	D.504
1540	1510020024	Tr n Th H i	Y n	22/03/1997	CDTA19A	D.504
1541	1510050149	Võ Th Xuân	Y n	20/06/1997	CDKS19C	D.504
1542	1510010166	Nguy n Th Thanh	Yêu	15/01/1996	CDXN19O	D.504
1543	1510050222	Hoàng Thi	Ylích	09/03/1997	CDKS19D	D.504
1544	1410020381	Nguy n Th Kim	Hu	08/09/1995	CDTA18G	D.504
1545	1310020224	Hu nh Th	N	03/01/1995	CDTA18A	D.504